

## **PHẨM 8: UẾ<sup>1</sup>**

*(Tụng ngày thứ hai tại thành Tiểu Thố, gồm 10 kinh)*

Kệ tóm tắt:

*Uế, Cầu, Tỳ-kheo thỉnh  
Trí, Châu-na vấn kiến  
Hoa dụ, Thủy Tịnh Phạm  
Hắc, Trú, Vô tại hậu.<sup>2</sup>*



---

<sup>1</sup> Quyển 22.

<sup>2</sup> Nguyên tác Nhiếp tụng: 穢, 求, 比丘請; 智, 周那問見; 華喻, 水淨梵; 黑, 住, 無在後. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.



## 87. KINH NHỮNG CẦU UẾ<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa giữa dân chúng Bà-kỳ, ngụ tại vườn Nai, trong rừng Sợ Hãi, thuộc núi Cá Sấu.<sup>2</sup>

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

– Này chư Hiền! Thế gian có bốn hạng người. Là bốn hạng người nào? Hoặc có người bên trong thật có cầu uế<sup>3</sup> mà không tự biết, không biết đúng như thật bên trong có cầu uế. Hoặc có người bên trong thật có cầu uế và tự biết, biết đúng như thật bên trong có cầu uế. Hoặc có người bên trong thật không có cầu uế mà không tự biết, không biết đúng như thật bên trong không có cầu uế. Hoặc có người bên trong thật không có cầu uế và tự biết, biết đúng như thật bên trong không có cầu uế.

Này chư Hiền!

Với hạng người bên trong thật có cầu uế mà không tự biết, không biết đúng như thật bên trong có cầu uế thì hạng người này thuộc hạng thấp kém nhất trong các hạng người.

Với hạng người bên trong thật có cầu uế mà tự biết, biết đúng như thật bên trong có cầu uế thì hạng người này thuộc hạng ưu tú nhất trong các hạng người.

Với hạng người bên trong không có cầu uế mà không tự biết, không biết đúng như thật bên trong không có cầu uế thì hạng người này cũng thuộc hạng thấp kém nhất trong các hạng người.

Với hạng người bên trong không có cầu uế mà tự biết, biết đúng như thật bên trong không có cầu uế thì hạng người này thuộc hạng ưu tú nhất trong các hạng người.

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo<sup>4</sup> liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chấp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Uế phẩm kinh* 穢品經 (T.01. 0026.87. 0566a13). Tham chiếu: *Cầu dục kinh* 求欲經 (T.01. 0049. 0839a05); *Tăng* 增 (T.02. 0125.25.6. 0632a20); *M. 5, Anaṅga Sutta (Kinh không uế nhiễm)*.

<sup>2</sup> Xem chú thích 2-3, kinh số 74, tr. 491.

<sup>3</sup> Nguyên tác: Uế (穢, *aṅga*): Cầu uế, nhiễm ô.

<sup>4</sup> *Tăng* 增 (T.02. 0125.25.6. 0632a20) và *M. 5, Anaṅga Sutta (Kinh không uế nhiễm)* xác định là Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên).

– Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người trước đều có cầu ướ, tâm ô nhiễm, nhưng một hạng bị cho là thấp kém, hạng kia được xem là ưu tú? Lại do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người sau đều không có cầu ướ, tâm không ô nhiễm, nhưng một hạng bị cho là thấp kém và hạng kia được xem là ưu tú?

[0566b03] Khi đó, Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời vị Tỳ-kheo kia rằng:

– Này Hiền giả! Nếu một người bên trong thật có cầu ướ mà không tự biết, không biết như thật bên trong có cầu ướ thì nên biết, người ấy không mong muốn đoạn trừ cầu ướ, không tìm phương cách, không siêng tu học. Người ấy sẽ còn cầu ướ, sẽ qua đời với tâm còn ô nhiễm. Do người ấy vẫn còn cầu ướ, qua đời với tâm còn ô nhiễm nên lâm chung không an lành và sanh vào cõi xấu ác. Vì sao như vậy? Vì người ấy vẫn còn cầu ướ, qua đời với tâm ô nhiễm.

Này Hiền giả! Như có một người ra chợ hoặc đến nhà thợ đúc đồng mua một chiếc mâm đồng. Mâm ấy dính đầy bụi dơ, thế nhưng người ấy mang về nhà lại không thường phủ bụi, không siêng lau chùi, cũng không phơi nắng, lại còn để ở nơi nhiều bụi bần. Thế nên chiếc mâm đồng ấy càng dính thêm bụi dơ. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người bên trong thật có cầu ướ mà không tự biết, không biết như thật bên trong có cầu ướ thì nên biết, người ấy không mong muốn đoạn trừ cầu ướ, không tìm phương cách, không siêng tu học. Người ấy sẽ còn cầu ướ, sẽ qua đời với tâm ô nhiễm. Do người ấy vẫn còn cầu ướ, qua đời với tâm ô nhiễm nên lâm chung không an lành và sanh vào cõi xấu ác. Vì sao như vậy? Vì người ấy vẫn còn cầu ướ, qua đời với tâm ô nhiễm.

Này Hiền giả! Nếu một người biết đúng như thật: “Trong ta có cầu ướ, trong ta quả thật có cầu ướ này” thì nên biết, người ấy mong muốn đoạn trừ cầu ướ này, tìm cầu phương tiện, nỗ lực tu tập. Người ấy sẽ không còn cầu ướ, sẽ qua đời với tâm không ô nhiễm. Do người ấy không còn cầu ướ, qua đời với tâm không ô nhiễm cho nên lâm chung được an lành và sanh vào cõi lành. Vì sao như vậy? Vì người ấy không còn cầu ướ, qua đời với tâm không còn ô nhiễm.

Này Hiền giả! Như có một người ra chợ hoặc đến nhà thợ đúc đồng mua một chiếc mâm đồng. Mâm ấy dính đầy bụi dơ, thế nhưng người ấy siêng năng phủ bụi, thường xuyên lau chùi, thường phơi nắng và để ở nơi sạch sẽ. Thế nên chiếc mâm đồng ấy luôn được sạch sẽ và sáng bóng. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết đúng như thật: “Trong ta có cầu ướ, trong ta quả thật có cầu ướ này” thì nên biết, người ấy mong muốn đoạn trừ cầu ướ đó, tìm cầu phương cách và nỗ lực tu học. Người ấy sẽ không còn cầu ướ, sẽ qua đời với tâm không ô nhiễm. Do người ấy không còn cầu ướ, qua đời với tâm không ô nhiễm cho nên lâm chung trong an lành và sanh vào cõi lành. Vì sao như vậy? Vì người ấy không còn cầu ướ, qua đời với tâm không ô nhiễm.

[0566c01] Này Hiền giả! Nếu có một người không biết đúng như thật rằng: “Trong ta không có cầu ướ, trong ta quả thật không có cầu ướ này” thì nên biết,

người ấy không ngăn ngừa được những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe.<sup>5</sup> Do không ngăn ngừa được những pháp sanh khởi khi mắt thấy, tai nghe nên người ấy bị tâm tham dục ràng buộc. Người ấy có tham dục, có cầu uế, qua đời với tâm còn ô nhiễm. Vì người ấy còn tham dục, còn cầu uế, qua đời với tâm ô nhiễm nên lâm chung không an lành và sanh vào cõi xấu ác. Vì sao như vậy? Vì người ấy có tham dục, có cầu uế, qua đời với tâm ô nhiễm.

Này Hiền giả! Cũng như có một người ra chợ hoặc đến nhà thợ đúc đồng mua một chiếc mâm đồng sạch sẽ, không dính bụi dơ. Người ấy mang mâm về nhà nhưng không siêng phủ bụi, không thường lau chùi, không thường phơi nắng, lại còn để ở chỗ nhiều bụi bặm. Thế nên chiếc mâm đồng ấy chắc chắn dính nhiều bụi bẩn. Này Hiền giả! Cũng vậy, nếu một người không biết đúng như thật: “Trong ta không có cầu uế, trong ta quả thật không có cầu uế này” thì nên biết, người ấy không ngăn ngừa được những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe. Do không ngăn ngừa được những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe, nên người ấy bị tâm tham dục ràng buộc. Người ấy có tham dục, có cầu uế, qua đời với tâm còn ô nhiễm. Vì người ấy có tham dục, có cầu uế, qua đời với tâm còn ô nhiễm, nên lâm chung không an lành và sanh vào cõi xấu ác. Vì sao như vậy? Vì người ấy có tham dục, có cầu uế, qua đời với tâm còn ô nhiễm.

Này Hiền giả! Nếu một người biết đúng như thật rằng: “Trong ta không có cầu uế, trong ta quả thật không có cầu uế này” thì nên biết, người ấy sẽ ngăn ngừa được những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe. Nhờ biết ngăn ngừa những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe nên người ấy không bị tâm tham dục ràng buộc. Người ấy không còn tham dục, không còn cầu uế, qua đời với tâm không ô nhiễm. Người ấy nhờ không còn tham dục, không còn cầu uế, qua đời với tâm không ô nhiễm, nên lâm chung được an lành và sanh vào cõi lành. Vì sao như vậy? Vì người ấy không còn tham dục, không còn cầu uế, qua đời với tâm không ô nhiễm.

Này Hiền giả! Cũng như có người ra chợ hoặc đến nhà thợ đúc đồng mua một chiếc mâm đồng sạch sẽ, không dính bụi dơ. Người ấy mang mâm về nhà, thường phủ bụi, thường xuyên lau chùi, thường phơi nắng và để ở nơi sạch sẽ. Thế nên chiếc mâm đồng ấy nhất định sạch sẽ, sáng bóng. Này Hiền giả! Cũng vậy, nếu có một người biết đúng như thật rằng: “Trong ta không có cầu uế, trong ta quả thật không có cầu uế này” thì nên biết, người ấy biết ngăn ngừa những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe. Do biết ngăn ngừa những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe, nên người ấy không bị tâm tham dục ràng buộc. Người ấy không tham dục, không cầu uế, qua đời với tâm không còn ô nhiễm. Người ấy do không tham dục, không cầu uế, qua đời với tâm không còn ô nhiễm, nên lâm

<sup>5</sup> Nguyên tác: Bất hộ do nhân nhĩ sở tri pháp (不護由眼耳所知法). Pháp (法) ở đây chỉ nhãn thức (眼識), nhĩ thức (耳識),... (cho đến) ý thức (意識); tức ý niệm, tâm thức của con người; nếu không được hộ trì bằng chánh niệm hay pháp lành thì sẽ sanh khởi những ham muốn bất chánh.

chung an lành và sanh vào cõi lành. Vì sao như vậy? Vì người ấy không tham dục, không cầu ướ, qua đời với tâm không ô nhiễm.

Này Hiền giả! Do nhân như vậy, duyên như vậy mà hai hạng người trước mặc dù đều có cầu ướ, tâm còn ô nhiễm, nhưng một người bị cho là thấp kém nhất và một người được xem là ưu tú nhất. Cũng do nhân như vậy, duyên như vậy mà hai hạng người sau mặc dù đều không có cầu ướ, tâm không ô nhiễm, nhưng một người bị cho là thấp kém, một người được xem là ưu tú nhất.

[0567a05] Bảy giờ, có vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chấp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

– Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cầu ướ mà ngài vừa nói, đó là những gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Này Hiền giả! Tất cả pháp ác và bất thiện sanh khởi từ tham dục, đó là cầu ướ. Vì sao như vậy? Giả sử có người khởi tâm mong muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong rằng không ai biết ta phạm giới.” Này Hiền giả, thế nhưng có người biết người ấy phạm giới. Vì bị người khác biết mình phạm giới, cho nên người ấy khởi tâm niệm xấu. Nếu tâm người ấy khởi niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người tâm khởi mong muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ riêng tư, đừng quở trách trước đại chúng.” Này Hiền giả, thế nhưng người ấy bị quở trách trước đại chúng, không phải chỗ riêng tư. Do bị người khác quở trách ở trước đại chúng, không phải chỗ riêng tư nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong được người ưu tú hơn mình trách mắng, đừng bị người kém hơn mình trách mắng.” Này Hiền giả, thế nhưng người ấy lại bị người kém hơn trách mắng, chứ không phải người ưu tú hơn. Do bị người kém hơn mình trách mắng, chứ không phải người ưu tú hơn mình, nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vậy: “Mong rằng ta ngồi trước mặt Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác ngồi trước Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe.” Này Hiền giả, thế nhưng lại có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết cho chúng Tỳ-kheo nghe. Do có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vậy: “Lúc các Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực,<sup>6</sup> mong rằng ta là người dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực, chứ không phải một Tỳ-kheo nào khác dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực.” Này Hiền giả, thế nhưng lại có một Tỳ-kheo khác dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực. Do thấy có Tỳ-kheo khác dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

[0567b08] Này Hiền giả! Hoặc có người tâm khởi mong muốn như vậy: “Khi chúng Tỳ-kheo vào nhà thí chủ,<sup>7</sup> mong rằng ta là người ngồi chỗ cao nhất, được ghé ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất, chứ không phải vị Tỳ-kheo nào khác ngồi chỗ cao nhất, được ghé ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất.” Này Hiền giả, thế nhưng khi chúng Tỳ-kheo vào nhà thí chủ, lại có Tỳ-kheo khác được ngồi chỗ cao nhất, được ghé ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất. Do thấy có Tỳ-kheo khác ngồi chỗ cao nhất, được ghé ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người tâm khởi mong muốn như vậy: “Sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch thì mong rằng ta là người vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ,<sup>8</sup> chứ không phải Tỳ-kheo nào khác vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ.” Này Hiền giả, thế nhưng sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch thì lại có Tỳ-kheo khác vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ. Do thấy có Tỳ-kheo khác, sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch, vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người tâm khởi mong muốn như vậy: “Khi các cư sĩ đi đến tinh xá,<sup>9</sup> mong rằng ta cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận.” Này Hiền giả, thế nhưng khi các cư sĩ đi đến tinh xá, lại có Tỳ-kheo khác cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận. Do thấy có Tỳ-kheo khác cùng hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận với các cư sĩ khi họ đến tinh xá nên tâm người ấy

<sup>6</sup> Nguyên tác: Nhập nội thời (入内時). Tham chiếu: *M. 5: Gāmaṃ bhattāya paviseyyum* (vào làng để dùng cơm), HT. Thích Minh Châu dịch.

<sup>7</sup> Nguyên tác: Dĩ nhập nội (已入内). Tham chiếu: *M. 5: Bhattagga* (traí đường).

<sup>8</sup> Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ (勸發, 渴仰, 成就歡喜). Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48.

<sup>9</sup> Nguyên tác: Cư sĩ vãng nghệ chúng viên (居士往詣眾園). Tham chiếu: *M. 5: Ārāmagatānaṃ bhikkhūnaṃ dhammaṃ deseyyaṃ* (Mong ta thuyết pháp cho các Tỳ-kheo tập họp tại tinh xá).

sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

[0567c05] Nay Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vậy: “Mong rằng ta được nhà vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác được vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng.” Nay Hiền giả, thế nhưng lại có vị Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng. Do thấy có Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

Nay Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vậy: “Mong rằng ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng.” Nay Hiền giả, thế nhưng lại có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng. Do thấy có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

Nay Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vậy: “Mong ta nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang.” Nay Hiền giả, thế nhưng lại có Tỳ-kheo khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang. Do vì có Tỳ-kheo khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

Nay Hiền giả! Người ấy như vậy, nhưng lại có những vị Phạm hạnh có trí do không biết rõ tâm mong cầu của người ấy sanh vô lượng điều xấu, bất thiện như vậy, nên người ấy không phải Sa-môn mà các vị Phạm hạnh kia cứ tưởng là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí mà cứ tưởng là Sa-môn có trí, không có chánh trí mà cứ tưởng có chánh trí, không có chánh niệm mà cứ tưởng có chánh niệm, không thanh tịnh mà cứ tưởng thanh tịnh. Nay Hiền giả! Người ấy như vậy, lại có những vị Phạm hạnh có trí do biết rõ tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều xấu, bất thiện như vậy, nên người ấy không phải Sa-môn thì các vị Phạm hạnh này không xem họ là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí thì không xem họ là Sa-môn có trí, không có chánh trí thì không cho là có chánh trí, không có chánh niệm thì không cho là có chánh niệm, không thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh.

[0568a05] Này Hiền giả! Cũng như có người ra chợ hoặc đến nhà thợ đúc đồng mua về nhà một chiếc mâm đồng, bên trong đựng đầy phân dơ, đậy kín phía trên rồi bung ra phỏ xá, đến gần chỗ đồng người qua lại. Nhiều người nhìn thấy mâm đồng ấy đều muốn được ăn, tỏ ý ưa thích, không hề chán ghét, nghĩ là sạch sẽ. Người ấy bung mâm đi quanh, rồi dừng lại một chỗ và mở nắp đậy ra. Mọi người thấy rồi, đều không còn muốn ăn, không còn ưa thích, cực kỳ chán ghét, vì biết là nhơ ւ. Người trước đây muốn ăn nay còn không muốn, huống là người vốn không muốn ăn?

Này Hiền giả! Người ấy như vậy, nhưng lại có những vị Phạm hạnh có trí vì không biết tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều xấu bất thiện như vậy, nên người ấy không phải Sa-môn nhưng các vị Phạm hạnh này cứ tưởng là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí mà cứ tưởng là Sa-môn có trí, không có chánh trí mà cứ tưởng có chánh trí, không có chánh niệm mà cứ tưởng có chánh niệm, không thanh tịnh mà cứ tưởng thanh tịnh. Này Hiền giả! Người ấy như vậy, lại có những vị Phạm hạnh có trí, vì biết rõ tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều xấu và bất thiện như vậy, nên người ấy không phải Sa-môn thì các vị Phạm hạnh này không cho là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không có chánh trí thì không cho là có chánh trí, không có chánh niệm thì không cho là có chánh niệm, không thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh. Này Hiền giả! Nên biết, người như vậy thì không nên gần gũi, không nên cung kính, lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào không đáng gần gũi mà ta lại gần gũi, không đáng cung kính lễ bái mà ta cung kính lễ bái thì ta mãi mãi không được lợi ích cho mình, không mang lợi ích cho người, không được an ổn hân hoan, sanh ra khổ não ưu sầu.

Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong người khác không biết ta phạm giới.” Này Hiền giả, nếu có người biết người ấy phạm giới, dù bị người khác biết mình phạm giới, nhưng tâm người ấy không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ riêng tư, đừng quở trách ở trước đại chúng.” Này Hiền giả, nếu có người quở trách người ấy ở trước đại chúng, chứ không phải chỗ riêng tư, dù người ấy dù bị quở trách ở trước đại chúng chứ không phải chỗ riêng tư, nhưng tâm vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Ta đã phạm giới, mong bị người ưu tú hơn mình trách mắng, đừng bị người kém hơn mình trách mắng.” Này Hiền giả, nếu bị người kém hơn chứ không phải người ưu tú hơn mình trách mắng, người ấy dù bị người kém hơn chứ không

phải người ưu tú hơn mình trách mắng, nhưng tâm vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện..

[0568b08] Nay Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Mong rằng ta ngồi trước Thế Tôn, thừa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe, chứ không phải vị Tỳ-kheo nào khác ngồi trước Thế Tôn, thừa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe.” Nay Hiền giả, nếu có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước Thế Tôn, thừa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe, vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác ngồi trước Thế Tôn, thừa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe, nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.

Nay Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Lúc các Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực, mong rằng ta là người dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực, chứ không phải một Tỳ-kheo nào khác dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực.” Nay Hiền giả, nếu có một Tỳ-kheo khác dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực, vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực, nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.

Nay Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Khi chúng Tỳ-kheo vào nhà thí chủ, mong rằng ta là người ngồi chỗ cao nhất, được ghé ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất, chứ không phải vị Tỳ-kheo nào khác ngồi chỗ cao nhất, được ghé ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất.” Nay Hiền giả, nếu khi chúng Tỳ-kheo vào nhà thí chủ, có Tỳ-kheo khác được ngồi chỗ cao nhất, được ghé ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất; vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác ngồi chỗ cao nhất, được ghé ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.

[0568c03] Nay Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch thì mong rằng ta là người vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ,<sup>10</sup> chứ không phải Tỳ-kheo nào khác vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ.” Nay Hiền giả, nếu sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch thì có Tỳ-kheo khác vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ; vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác, sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch, vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo,

<sup>10</sup> Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ (勸發, 渴仰, 成就歡喜). Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48.

khích lệ, khiến được hoan hỷ, nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Khi các cư sĩ đi đến tinh xá, mong rằng ta cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận.” Này Hiền giả, nếu khi các cư sĩ đi đến tinh xá, có Tỳ-kheo khác cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận; vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác cùng hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận với các cư sĩ khi họ đến tinh xá nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Mong rằng ta được nhà vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác được vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng.” Này Hiền giả, nếu có vị Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng; vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.

Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Mong rằng ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng.” Này Hiền giả, nếu có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng; vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.

[0569a06] Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vậy: “Mong ta nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang.” Này Hiền giả, nếu có Tỳ-kheo khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang; vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.

Này Hiền giả! Người ấy như vậy, nhưng có những vị Phạm hạnh có trí, vì không biết tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều thiện như vậy, nên

người ấy là Sa-môn mà các vị cứ tưởng không phải Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà cứ tưởng không phải Sa-môn có trí, có chánh trí mà cứ tưởng không có chánh trí, có chánh niệm mà cứ tưởng không có chánh niệm, được thanh tịnh mà cứ tưởng không thanh tịnh. Nay Hiền giả! Người ấy như vậy, lại cũng có những vị Phạm hạnh có trí, vì biết rõ tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều thiện như vậy, nên người ấy chính là Sa-môn thì các vị Phạm hạnh này cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, có chánh trí thì cho là có chánh trí, có chánh niệm thì cho là có chánh niệm, được thanh tịnh thì cho là thanh tịnh.

Này Hiền giả! Cũng như có người ra chợ hoặc đến nhà thợ đúc đồng mua về một chiếc mâm đồng, đựng đầy thức ăn thơm ngon tinh sạch bên trong, đẩy nắp lên trên rồi bung ra phở, đến gần chỗ đồng người qua lại. Có người nhìn thấy mâm đồng ấy liền không muốn ăn, không ưa thích, rất chán ghét, tưởng là bất tịnh, liền nói như vậy: “Đem phẩn dơ kia đi ngay! Đem phẩn dơ kia đi ngay!” Người ấy bung mâm đồng đi, rồi dừng lại một chỗ và mở nắp đẩy ra. Mọi người nhìn thấy rồi đều muốn được ăn, vô cùng ưa thích, không còn chán ghét, vì biết là tinh sạch. Những người trước đây không muốn ăn, khi nhìn thấy còn muốn ăn, huống chi những người vốn đã muốn ăn?

Này Hiền giả! Người ấy như vậy, nhưng lại có các vị Phạm hạnh có trí, vì không biết tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều thiện như vậy, nên người ấy là Sa-môn mà các vị Phạm hạnh kia cứ tưởng không phải Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà cứ tưởng không phải Sa-môn có trí, có chánh trí mà cứ tưởng không chánh trí, có chánh niệm mà cứ tưởng không chánh niệm, được thanh tịnh mà cứ tưởng không thanh tịnh. Nay Hiền giả! Người ấy như vậy, lại cũng có những vị Phạm hạnh có trí, nhờ biết rõ tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều thiện như vậy, nên người ấy chính là Sa-môn thì các vị Phạm hạnh kia cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, có chánh trí thì cho là có chánh trí, có chánh niệm thì cho là có chánh niệm, được thanh tịnh thì cho là thanh tịnh. Nay Hiền giả! Cần phải biết, người như vậy nên gần gũi, nên cung kính lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào đáng gần gũi mà ta gần gũi, đáng cung kính lễ bái mà ta cung kính lễ bái, như vậy ta mãi mãi được lợi lạc cho mình, làm lợi ích cho người, được an ổn hân hoan, không khổ não ưu sầu.

[0569b10] Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt trong chúng. Nhân đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền thưa:

– Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nay tôi muốn nói một thí dụ cho các Tỳ-kheo nghe, Tôn giả cho phép chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Nay Hiền giả Đại Mục-kiền-liên! Hiền giả muốn nói thí dụ, xin hãy cứ nói.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nói:

– Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôi nhớ có lần du hóa thành Vương Xá, trú ở núi Nham. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, tôi đắp y ôm bát vào thành Vương Xá khát thực, đi dần đến nhà Vô Y Mãn Tử, trước đây là một thợ sửa xe.<sup>11</sup> Hàng xóm của Vô Y Mãn Tử cũng làm nghề sửa xe, anh ấy đang tháo trục xe ra để sửa. Khi ấy, Vô Y Mãn Tử qua nhà hàng xóm, nhìn thấy anh thợ đang tháo trục xe ra sửa, trong tâm liền khởi ý nghĩ như vậy: “Nếu anh thợ này cầm búa sửa trục, đẽo gọt tất cả những chỗ hư hỏng sần sùi trên trục, như thế cái trục ấy mới tốt hơn được.” Bấy giờ, anh thợ sửa xe kia, bỗng dưng làm đúng như suy nghĩ của Vô Y Mãn Tử, cầm lấy búa đẽo gọt tất cả những chỗ hư hỏng sần sùi. Khi ấy, Vô Y Mãn Tử, một người từng làm nghề sửa xe, hết sức hoan hỷ, nói như vậy: “Này anh thợ sửa xe! Tâm anh với tâm tôi, đúng là có cảm có ứng thật! Vì sao như vậy? Vì anh đã cầm búa đẽo gọt tất cả những chỗ hư hỏng sần sùi trên trục xe, thật đúng như ý của tôi.”

Cũng như thế, này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu như có kẻ dua nịnh, dối trá, ganh tị, không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh trí, không định, không tuệ, tâm cuồng mê, không hộ trì các căn, không tu hạnh Sa-môn, không hiểu biết phân biệt thì Tôn giả Xá-lợi-phất, vì tâm ngài hiểu được tâm của kẻ đó nên mới nói pháp này.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có niềm tin, luôn tinh tấn, không biếng nhác, có chánh niệm, có chánh trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, biết hộ trì các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và khéo phân biệt hiểu biết thì người ấy khi nghe Tôn giả nói pháp, giống như kẻ đói muốn được ăn, kẻ khát muốn được uống liền được ăn uống thỏa lòng.

[0569c05] Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Giống như con gái dòng dõi Sát-đế-lợi hay con gái của dòng Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la, rất mực đoan trang xinh đẹp, sau khi tắm rửa sạch sẽ liền lấy hương thơm xoa khắp thân thể, mặc xiêm y lộng lẫy mịn màng và trang sức đủ loại chuỗi ngọc. Giả sử có người nhớ nghĩ cô ấy, mong cô ấy được nhiều lợi lạc, an vui hạnh phúc, liền đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm-bạc, tràng hoa tu-ma-na, tràng hoa bà-sư hoặc tràng hoa a-đề-mâu-đa<sup>12</sup> đến tặng. Cô gái ấy vui mừng, đưa hai tay nhận lấy rồi cài hoa lên đầu. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cũng như thế, nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có niềm tin, luôn tinh tấn, không biếng nhác, có chánh niệm tinh giác, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, biết hộ trì các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và khéo phân biệt hiểu biết thì người ấy,

<sup>11</sup> Nguyên tác: Cựu xa sư Vô Y Mãn Tử (舊車師無衣滿子). Tham chiếu: *M. 5: Paṇḍuputto ājīvako purāṇayānakāraputto* (Tà mạng ngoại đạo Panduputta, trước là con của một người làm xe), HT. Thích Minh Châu dịch.

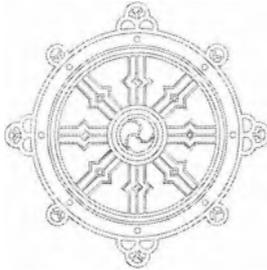
<sup>12</sup> Tên các loài hoa này, xem chú thích 9-15, kinh số 68, tr. 409.

khi được nghe Tôn giả nói pháp, giống như kẻ đói muốn được ăn, kẻ khát muốn được uống liền được ăn uống thỏa lòng.

Tôn giả Xá-lợi-phất! Ngài thật kỳ diệu, thật hy hữu! Ngài thường cứu vớt các vị tu Phạm hạnh, giúp họ xa lìa bất thiện, an lập vào cõi lành.

Như thế, cả hai Tôn giả khen ngợi lẫn nhau, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.



## 88. KINH CẦU PHÁP<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Câu-sa-la<sup>2</sup> rồi đến ngụ tại rừng Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc làng Ngũ Sa-la.<sup>3</sup>

Các vị đại đệ tử danh đức, trưởng thượng như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Lệ-việt,<sup>4</sup> Tôn giả A-nan và nhiều vị đại đệ tử danh đức, trưởng thượng khác nữa cũng có mặt tại làng Ngũ Sa-la, bên cạnh thất lá của Phật.

[0570a01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy cầu pháp,<sup>5</sup> chớ nên cầu ẩm thực. Vì sao như vậy? Vì Như Lai thương tưởng các đệ tử, muốn các đệ tử nỗ lực cầu pháp, chớ nên cầu ẩm thực. Nếu các thầy chỉ cầu ẩm thực, không nỗ lực cầu pháp thì chẳng những các thầy tự làm xấu mình mà cũng khiến Như Lai mất đi thể diện. Nếu các thầy nỗ lực cầu pháp, không cố cầu ẩm thực thì không những chính các thầy tốt hơn mà cũng khiến Như Lai được hãnh diện.

Như thế nào là chúng đệ tử vì cầu ẩm thực mà nương theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu pháp? Sau khi Như Lai thọ thực vừa đủ, bữa ăn đã xong, còn lại một ít thức ăn. Khi ấy, có hai vị Tỳ-kheo đi đến, đói khát kiệt sức. Như Lai liền nói với họ rằng: “Ta đã thọ thực vừa đủ, bữa ăn đã xong, còn lại một ít thức ăn, các thầy muốn dùng thì lấy mà dùng, nếu không thì Ta sẽ mang đồ nơi đất sạch, hoặc đồ trong nước không có trùng.” Trong hai Tỳ-kheo ấy, vị thứ nhất suy nghĩ như vậy: “Thế Tôn đã thọ thực vừa đủ, bữa ăn đã xong, thức ăn còn lại nếu ta không lấy, tất nhiên Ngài sẽ mang đồ nơi đất sạch, hoặc trong nước không có trùng, vậy ta hãy lấy mà dùng.”

Thế là, vị Tỳ-kheo ấy liền nhận lấy và dùng bữa, tuy được một ngày một đêm an ổn, vui thích, nhưng vì Tỳ-kheo ấy nhận lấy thức ăn như vậy nên đức

---

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Cầu pháp kinh* 求法經 (T.01. 0026.88. 0569c23). Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.18.3. 0587c16); *M. 3, Dhammadāyāda Sutta* (Kinh thừa tự pháp).

<sup>2</sup> Câu-sa-la (拘娑羅, Kosala) còn gọi là Kiêu-tát-la (憍薩羅).

<sup>3</sup> Ngũ Sa-la (五娑羅, Pañcasāla).

<sup>4</sup> Lệ-việt (麗越, Revata) còn được phiên âm là Ly-việt-đa (離越多).

<sup>5</sup> Nguyên tác: Hành cầu pháp (行求法). Tham chiếu: *M. 3: Dhammadāyāda me bhavatha mā āmisadāyāda* (Hãy là người thừa tự pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật), HT. Thích Minh Châu dịch.

Phật không vừa ý.<sup>6</sup> Vì sao như vậy? Bởi vì vị Tỳ-kheo thứ nhất thọ nhận đồ ăn này, chứng tỏ vị ấy không thể ít muốn, không thể biết đủ, không dễ nuôi sống, ăn không biết vừa đủ,<sup>7</sup> không thể biết thời,<sup>8</sup> không khéo tiết chế, không biết tinh tấn, không thể tĩnh tọa, không có tịnh hạnh, không thể sống viễn ly, không thể nhất tâm, không thể tinh cần, lại cũng không thể chứng đắc Niết-bàn. Bởi Tỳ-kheo ấy nhận thức ăn thừa như vậy nên Phật không hài lòng. Như thế gọi là chúng đệ tử vì cầu ẩm thực mà nương theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu pháp.

Thế nào là chúng đệ tử nỗ lực cầu pháp, chứ không cầu ẩm thực? Trong hai vị ấy, vị Tỳ-kheo thứ hai suy nghĩ như vậy: “Thế Tôn đã thọ thực vừa đủ, bữa ăn đã xong, còn lại một ít thức ăn, nếu ta không lấy thì tất nhiên Ngài sẽ mang đồ nơi đất sạch hoặc trong nước không có trùng. Nhưng Thế Tôn có dạy: ‘Điều thấp kém nhất trong việc ăn uống là ăn thức ăn dư thừa.’<sup>9</sup> Vì vậy ta không nên nhận thức ăn đó.”<sup>10</sup> Nghĩ như thế rồi, vị ấy không nhận lấy. Tỳ-kheo kia không nhận thức ăn đó, tuy suốt một ngày một đêm khổ sở bất ôn, nhưng vì Tỳ-kheo ấy không nhận thức ăn như vậy nên Phật hài lòng. Vì sao như vậy? Bởi vì Tỳ-kheo thứ hai không thọ nhận thức ăn thừa, chứng tỏ vị ấy có thể ít muốn, biết đủ, dễ nuôi sống, ăn biết vừa đủ, biết thời, biết tiết chế, có tinh tấn, có tĩnh tọa, có tịnh hạnh, biết sống viễn ly, được nhất tâm, được tinh cần và có thể chứng đắc Niết-bàn. Bởi Tỳ-kheo ấy không nhận thức ăn thừa như vậy nên Phật hài lòng. Như thế gọi là chúng đệ tử vì cầu pháp mà nương theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu ẩm thực.

[0570b08] Bấy giờ, Thế Tôn bảo chúng đệ tử:

– Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó không có ích cho nhiều người, nhiều người không được lợi lạc, chẳng phải vì thương xót thế gian, chẳng phải mong cầu thiện lợi và hữu ích, cũng chẳng phải mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy không thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó

<sup>6</sup> Nguyên tác: Bất khả Phật ý (不可佛意).

<sup>7</sup> Theo *Tứ phần luật sao giản chánh ký* 四分律鈔簡正記, số 737, phần 1 trong *Đại tiểu thừa thích luật bộ lục* 大小乘釋律部六, tập 43, thuộc *Vạn tục tạng* 卍續藏, tr. 0433b14-15: “Dị mãn dị dưỡng” nghĩa là ăn uống biết vừa đủ gọi là “dị mãn”, không chọn lựa tốt xấu gọi là “dị dưỡng” (易滿易養者. 食知止足即易滿. 不擇善惡即易養).

<sup>8</sup> “Biết thời” tức chỉ ăn ngày một bữa đúng Ngọ theo Luật Phật chế.

<sup>9</sup> Thực trung chi hạ cực giả, vị: Tàn dư thực dã (食中之下極者, 謂: 殘餘食也).

<sup>10</sup> Theo *Ngũ phần giới bản* 五分戒本 (T.22. 1422b. 0203b14-15): Nếu Tỳ-kheo không làm pháp tàn thực mà ăn thêm thì phạm Ba-da-đề. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác đã ăn xong mà không làm pháp tàn thực, vì muốn náo hại, nài ép họ ăn nữa thì phạm Ba-da-đề (若比丘, 不受殘食法, 更食者, 波夜提. 若比丘, 知他比丘食竟, 不作殘食法, 為惱彼故強勸令食, 波夜提). Theo Luật tạng, Phật dạy Tỳ-kheo đã thọ trai đúng Ngọ xong rồi, không được phép ăn thêm lần nữa. Nếu ăn, gọi là ăn thức ăn thừa (殘食), trái Luật Phật chế.

không có ích cho nhiều người, nhiều người không được lợi lạc, chẳng phải vì thương xót thế gian, chẳng phải vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, cũng chẳng phải vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó có ích cho nhiều người, nhiều người được lợi lạc, chính là vì thương xót thế gian, vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó có ích cho nhiều người, nhiều người được lợi lạc, chính là vì thương xót thế gian, vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng hiện diện trong chúng, đức Phật liền bảo Xá-lợi-phất:

– Thầy hãy thuyết pháp như pháp<sup>11</sup> cho các Tỳ-kheo nghe! Như Lai đau lưng, muốn nghỉ một lát.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền vâng lời Phật:

– Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Rồi đức Phật gấp y Ưu-đa-la-tăng<sup>12</sup> làm bốn trái lên giường, cuộn y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, tâm khởi tướng nơi ánh sáng,<sup>13</sup> chánh niệm tỉnh giác, luôn khởi tướng muốn ngồi dậy.<sup>14</sup>

Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

– Nay chư Hiền! Nên biết Thế Tôn vừa nói pháp một cách sơ lược rằng: Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó không có ích cho nhiều người, nhiều người không được lợi lạc, chẳng phải vì thương xót thế gian, chẳng phải vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, cũng chẳng phải vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy không thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó không có ích cho nhiều người, nhiều người không được lợi lạc, chẳng phải vì thương xót thế gian, chẳng phải vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, cũng chẳng phải vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

<sup>11</sup> Thuyết pháp như pháp (說法如法): Thuyết pháp khế hợp với Chánh pháp.

<sup>12</sup> Ưu-đa-la-tăng (優多羅僧, Uttarāsaṅga) còn gọi là “Uất-đa-la-tăng” (鬱多羅僧), tức là “y bảy điều.”

<sup>13</sup> Nguyên tác: Tác quang minh tướng (作光明想, ālokasaññā): Lấy các loại ánh sáng để làm đề mục, tập trung tư tưởng trên đó.

<sup>14</sup> Nguyên tác: Thường dục khởi tướng (常欲起想, uṭṭhānasaññā).

Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó có ích cho nhiều người, nhiều người được lợi lạc, chính là vì thương xót thế gian, vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó có ích cho nhiều người, nhiều người được lợi lạc, chính là vì thương xót thế gian, vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Thế Tôn đã nói như trên, vô cùng tóm lược, thế thì các thầy hiểu nghĩa đó như thế nào và phân biệt rộng rãi ra sao?

[0570c14] Bấy giờ, trong chúng có Tỳ-kheo nói như vậy:

– Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu các Trưởng lão thượng tôn khẳng định: “Ta đã đạt Trí cứu cánh, biết đúng như thật rằng: ‘Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa’” thì khi các vị Phạm hạnh nghe các ngài ấy tự khẳng định: “Ta đã đạt Trí cứu cánh”, họ liền được hoan hỷ.

Lại có Tỳ-kheo nói thế này:

– Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ mong cầu Niết-bàn vô thượng thì khi các vị Phạm hạnh thấy các Tỳ-kheo kia tu hành như vậy, họ liền được hoan hỷ.

Các Tỳ-kheo đã giải nghĩa như thế, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất chưa hài lòng. Tôn giả liền nói với chúng Tỳ-kheo rằng:

– Này chư Hiền! Hãy lắng nghe, tôi sẽ giảng giải cho các thầy. Này chư Hiền! Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc thượng của vị ấy không thích an trú viễn ly thì hàng đệ tử bậc thượng ấy có ba điều đáng chê trách. Là ba điều gì? Tôn sư thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc thượng không học hạnh xả ly, do vậy nên họ đáng bị chê trách. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà hàng đệ tử bậc thượng không đoạn trừ những pháp ấy, do vậy nên họ đáng bị chê trách. Với những pháp cần thọ lãnh để tu chứng<sup>15</sup> mà hàng đệ tử bậc thượng lại từ bỏ pháp đó,<sup>16</sup> do vậy nên họ đáng bị chê trách. Một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử trưởng thượng của vị ấy lại không thích an trú viễn ly thì họ có ba điều đáng bị chê trách như vậy.

Này chư Hiền! Nếu bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ không thích an trú viễn ly thì họ cũng có ba điều đáng chê trách. Là ba điều gì? Tôn sư thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc

<sup>15</sup> Nguyên tác: Sở khả thọ chứng (所可受證).

<sup>16</sup> Nguyên tác: Xả phương tiện (捨方便).

trung và bậc hạ không học theo hạnh xả ly, do vậy nên họ đáng bị chê trách. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ không đoạn trừ những pháp ấy, do vậy nên họ đáng bị chê trách. Với những pháp cần thọ lãnh để tu chứng mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ lại từ bỏ pháp đó, do vậy nên họ đáng bị chê trách. Một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ lại không thích an trú viễn ly thì họ có ba điều đáng bị chê trách như vậy.

[0571a09] Nay chư Hiền! Nếu bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc thượng của vị ấy cũng thích an trú viễn ly thì họ có ba điều đáng được khen ngợi. Là ba điều gì? Tôn sư thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc thượng cũng học hạnh xả ly, vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ và hàng đệ tử bậc thượng đoạn trừ những pháp ấy, vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Với những pháp cần thọ nhận để tu chứng và hàng đệ tử bậc thượng đã khéo tinh tấn tu học, không bỏ pháp đó, vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc thượng cũng thích an trú viễn ly thì họ có ba điều đáng được khen ngợi như vậy.

Nay chư Hiền! Nếu bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ cũng thích an trú viễn ly thì họ có ba điều đáng được khen ngợi. Là ba điều gì? Tôn sư thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ cũng học hạnh xả ly, vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ khéo đoạn trừ những pháp ấy vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Với những pháp cần thọ lãnh để tu chứng thì hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ biết siêng năng tu học, không từ bỏ pháp đó, vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ cũng thích học hạnh xả ly thì họ có ba điều đáng được khen ngợi như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bảo các vị Tỳ-kheo:

– Nay chư Hiền! Có con đường trung đạo giúp tâm được an trú, được định tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp,<sup>17</sup> được thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Nay chư Hiền! Thế nào là con đường trung đạo giúp tâm được an trú, được định tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp, được thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn? Nay chư Hiền! Khởi niệm tham dục là xấu ác, ghét niệm tham dục<sup>18</sup> cũng là xấu ác; không khởi niệm tham dục và cũng không ghét niệm tham dục, đó là con đường trung

<sup>17</sup> Nguyên tác: Thuận pháp thứ pháp (順法次法). *Điển Tôn kinh* 典尊經 (T.01. 0001.3. 0031a05) ghi là “pháp pháp thành tựu” (法法成就); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.27. 0005c22) ghi là “pháp thứ, pháp hướng” (法次法向), nghĩa là thuận theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp.

<sup>18</sup> Nguyên tác: Niệm dục ác, ó niệm dục diệc ác (念欲惡, 惡念欲亦惡). Tham chiếu: *M. 3: Lobho ca pāpako doso ca pāpako, lobhassa ca pahānāya dosassa ca pahānāya atthi majjhimā paṭipadā* (Tham là ác pháp và sân cũng là ác pháp, có một con đường trung đạo diệt trừ tham và diệt trừ sân), HT. Thích Minh Châu dịch.

đạo. Cũng như vậy đối với sân hận,<sup>19</sup> oán kết,<sup>20</sup> xan tham,<sup>21</sup> tật đố,<sup>22</sup> dôi gạt,<sup>23</sup> dua nịnh,<sup>24</sup> không biết tự thẹn, không biết xấu hổ, ngã mạn, tăng thượng mạn, cống cao, buông lung, kiêu hãnh,<sup>25</sup> ganh ghét.<sup>26</sup> Nay chư Hiền! Tham là xấu ác, chấp trước cũng là xấu ác; đoạn trừ tham và cũng đoạn trừ chấp trước, đó là con đường trung đạo có thể giúp tâm được an trú, được định tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp, thông đạt giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn.

[0571b05] Nay chư Hiền! Lại có con đường trung đạo có thể giúp tâm được an trú, được định tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp, thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Chư Hiền! Đâu là con đường trung đạo có thể giúp tâm được an trú, được định tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp, thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn? Đó là Thánh đạo tám chi, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Nay chư Hiền! Thánh đạo tám chi chính là con đường trung đạo có thể giúp tâm được an trú, được định tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp, thông đạt giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn.

Bấy giờ, con đau lưng đã khỏi và cơ thể an ổn, đức Phật liền trở mình ngồi dậy, kiết-già tĩnh tọa rồi khen ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất đã vì chúng Tỳ-kheo mà thuyết pháp như pháp. Nay Xá-lợi-phất! Thầy hãy lại vì chúng Tỳ-kheo mà thuyết pháp như pháp. Nay Xá-lợi-phất! Thầy nên thường xuyên thuyết pháp như pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe.

Rồi Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Các thầy phải cùng nhau thọ lãnh pháp như pháp, hãy tụng đọc, tu tập và giữ gìn. Vì sao như vậy? Vì pháp như pháp này có pháp có nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, giúp hành giả thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Những người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì phải khéo léo thọ trì pháp như pháp này.

Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.<sup>27</sup>

<sup>19</sup> Nguyên tác: Khuê (恚). Tham chiếu: *M. 3: Kodha* (sự giận dữ).

<sup>20</sup> Oán kết (怨結). Tham chiếu: *M. 3: Upanāha* (sự oán hận, phẫn hận, thù hận).

<sup>21</sup> Xan (慳). Tham chiếu: *M. 3: Macchara* (keo kiệt, bùn xin, hà tiện).

<sup>22</sup> Tật (嫉). Tham chiếu: *M. 3: Issā* (tật đố, ganh tị).

<sup>23</sup> Khi cưỡng (欺誑). Tham chiếu: *M. 3: Māyā* (gạt gẫm, gian lận, xảo trá).

<sup>24</sup> Du siêm (諛諂). Tham chiếu: *M. 3: Sāṭheyya* (dua nịnh, bợ đỡ).

<sup>25</sup> Nguyên tác: Hào quý (豪貴, *atimāna*), viết tắt của cụm từ “tự thị hào quý” (自恃豪貴), nghĩa là ý lại đồng họ tôn quý của mình mà sanh ra kiêu mạn. Tham chiếu: *M. 3: Mado* (kiêu hãnh).

<sup>26</sup> Nguyên tác: Tăng tránh (憎諍). Tham chiếu: *M. 3: Sārambha* (sự đấu tranh, sự ganh đua).

<sup>27</sup> Bản Hán, hết quyển 22.

## 89. KINH TỖ-KHEO THỈNH NGUYỆN<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo du hóa thành Vương Xá, an cư mùa mưa tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.<sup>2</sup>

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:

– Này chư Hiền! Có Tỳ-kheo thỉnh cầu<sup>3</sup> các Tỳ-kheo khác rằng: “Xin các Tôn giả hãy chỉ bảo cho tôi, dạy dỗ tôi, khiển trách tôi, đừng ghét bỏ tôi.” Vì sao như vậy? Này chư Hiền, ví như có người nói năng ngang ngược, tập thành tính khí ngoan cố.<sup>4</sup> Do tập thành tính khí ngoan cố nên khiến cho các vị Phạm hạnh không nói đến, không dạy dỗ, không khiển trách mà ghét bỏ người ấy.

Này chư Hiền! Những ai có tính khí ngoan cố? Nếu ai tập thành tính khí ngoan cố ấy, ắt bị các vị Phạm hạnh không nói đến, không dạy dỗ, không khiển trách và còn ghét bỏ nữa. Này chư Hiền, ở đây, có người ham muốn bất chánh, nghĩ tưởng tham dục.<sup>5</sup> Này chư Hiền, nếu người nào ham muốn bất chánh và nghĩ tưởng tham dục thì người đó có tánh khí ngoan cố. Cũng như thế, với những ai tâm ý nhiễm ô, hành động nhiễm ô, cố ý che giấu lỗi lầm,<sup>6</sup> dối trá,<sup>7</sup> dua nịnh,<sup>8</sup> keo kiệt,<sup>9</sup> ganh tị,<sup>10</sup> không biết tự thẹn, không biết xấu hổ, sân giận ác

<sup>1</sup> Quyển 23. Nguyên tác: *Tỳ-kheo thỉnh kinh* 比丘請經 (T.01. 0026.89. 0571b29). Tham chiếu: *Thọ tuế kinh* 受歲經 (T.01. 0050. 0842b03); *M. 15, Anumāna Sutta (Kinh tư lượng)*.

<sup>2</sup> Nguyên tác: Trúc lâm Ca-lan-đa viên (竹林加蘭哆園, Kāraṇḍa Veṇūvana).

<sup>3</sup> Nguyên tác: Thỉnh (請, *Pavāreti*): Tự tứ.

<sup>4</sup> Nguyên tác: Lệ ngữ (戾語). Tham chiếu: *M. 15: Dubbaca* (người cứng đầu, khó dạy bảo).

<sup>5</sup> Nguyên tác: Ác dục, niệm dục (惡欲, 念欲). Tham chiếu: *M. 15: Pāpiccho hoti pāpikānaṃ icchānaṃ vasam gato* (có ác dục, bị ác dục chi phối).

<sup>6</sup> Nguyên tác: Bất ngữ kiết trụ (不語結住). Bất ngữ kiết (不語結, *makkha*), còn gọi là “bất ngữ triền” (不語纏), có nghĩa là che giấu. Theo *Tỳ-bà-sa luận* 鞞婆沙論 (T.28. 1547.02. 0426c06), “bất ngữ triền” nương tựa “ái” (愛, *taṇhā*) và cũng nương tựa “vô minh” (無明, *avijjā*). “Nương tựa ái” nghĩa là vì ái nên che giấu. “Nương vô minh” nghĩa là vì mê mờ nên che giấu (不語纏亦依愛亦依無明, 依愛者, 愛故覆藏. 依無明者, 無智故覆藏). Tham chiếu: *M. 15: Makkhī* (che giấu, gièm pha, đạo đức giả).

<sup>7</sup> Khi cuồng (欺誑). Tham chiếu: *M. 15: Māyāvi* (xảo trá).

<sup>8</sup> Du siểm (諛諂). Tham chiếu: *M. 3: Sātheyya* (dua nịnh, bợ đỡ). Kinh *M. 15* không đề cập.

<sup>9</sup> Xan tham (慳貪). Tham chiếu: *M. 15: Maccharī* (bón xén, keo kiệt).

<sup>10</sup> Tật đố (嫉妒). Tham chiếu: *M. 15: Issukī* (ganh tị).

ý,<sup>11</sup> nói lời căm phẫn,<sup>12</sup> mắng Tỳ-kheo khiến trách mình,<sup>13</sup> mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình,<sup>14</sup> mắng Tỳ-kheo công khai lỗi mình,<sup>15</sup> lãng sang chuyện khác khi bị khiển trách,<sup>16</sup> im lặng giận dữ, oán ghét hừng hực, kết giao bạn xấu, tạo lập phe đảng, quên ơn, không biết ơn. Nay chư Hiền, nếu có người quên ơn, không biết ơn thì người đó có tính khí ngoan cố. Nay chư Hiền, đó là những người có tính khí ngoan cố. Nếu ai tập thành tính khí ngoan cố ấy thì các vị Phạm hạnh không nói đến, không dạy dỗ, không khiển trách mà còn ghét bỏ nữa. Nay chư Hiền, là một Tỳ-kheo, hãy tự mình suy xét: “Này chư Hiền, nếu ai ham muốn bất chánh, nghĩ tưởng tham dục thì tôi không thích người đó. Nếu tôi ham muốn bất chánh, nghĩ tưởng tham dục thì người ấy cũng chẳng thích tôi.” Tỳ-kheo hãy quán xét như vậy. Không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục, hãy nên học tập như vậy. Cũng như thế, với những ai tâm ý nhiễm ô, hành động nhiễm ô, cố ý che giấu lỗi lầm, dối trá, dua nịnh, keo kiệt, ganh tị, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ, sân giận ác ý, nói lời căm phẫn, mắng Tỳ-kheo khiến trách mình, mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình, mắng Tỳ-kheo công khai lỗi mình, lãng sang chuyện khác khi bị khiển trách, im lặng giận dữ, oán ghét hừng hực, kết giao bạn xấu, tạo lập phe đảng, quên ơn, không biết ơn: “Này chư Hiền, nếu ai quên ơn, không biết ơn thì tôi không thích người ấy. Nếu tôi quên ơn, không biết ơn thì người ấy cũng chẳng thích tôi.” Tỳ-kheo hãy quán xét như vậy, không quên ơn, luôn biết ơn, hãy nên học tập như vậy.

Này chư Hiền! Có Tỳ-kheo không phải thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: “Xin các ngài hãy chỉ bảo cho tôi, dạy dỗ tôi, khiển trách tôi, đừng ghét bỏ tôi.” Vì sao như vậy? Này chư Hiền! Vì một người nói năng hòa nhã, tập thành đức tính nhu thuận, do tập thành đức tính nhu thuận ấy nên các vị Phạm hạnh dễ nói chuyện, dễ dạy bảo, dễ nhắc nhở và không ghét bỏ người đó.

Này chư Hiền! Những ai có đức tính nhu thuận? Nếu ai tập thành đức tính nhu thuận ấy thì các vị Phạm hạnh dễ nói chuyện, dễ dạy bảo, dễ nhắc nhở và không ghét bỏ người đó. Này chư Hiền, có người không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục. Này chư Hiền, nếu người nào không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục thì người đó có đức tính nhu thuận.

<sup>11</sup> Sân tộ (瞋弊, *upanāha*); Ác ý (惡意, *palāsa*). Tham chiếu: *M. 15: Kodhahetu upanāhī* (vì phần nộ làm nhân trở thành người có hiềm hận).

<sup>12</sup> Sân khể ngữ ngôn (瞋恚語言). Tham chiếu: *M. 15: Kodhasāmantā vācaṃ nicchāretā* (thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ).

<sup>13</sup> Ha Tỳ-kheo ha (訶比丘訶). Tham chiếu: *M. 15: Bhikkhu codito codakena codakaṃ paṭippharati* (Tỳ-kheo bị buộc tội trở lại chống đối vị đã buộc tội mình).

<sup>14</sup> Ha Tỳ-kheo khinh mạn (訶比丘輕慢). Tham chiếu: *M. 15: Bhikkhu thaddho hoti atimānī* (Tỳ-kheo ngoan mê và quá mạn).

<sup>15</sup> Ha Tỳ-kheo phát lộ (訶比丘發露). Tham chiếu: *M. 15: Bhikkhu codito codakena codakassa paccāropeti* (Tỳ-kheo bị buộc tội trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình).

<sup>16</sup> Cảnh hổ tương ty nhi thuyết ngoại sự (更互相避而說外事). Tham chiếu: *M. 15: Bhikkhu codito codakena aññenaññaṃ paṭicarati, bahiddhā kathaṃ apanāmeti* (Tỳ-kheo bị buộc tội tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề).

Cũng như thế, với những ai tâm ý thiện lành, hành động thiện lành, không cố ý che giấu lỗi lầm, không dối trá, không dua nịnh, không keo kiệt, không ganh tị, biết tự thẹn, biết xấu hổ, không sân giận ác ý, không nói lời căm phẫn, không mắng Tỳ-kheo khiển trách mình, không mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình, không mắng Tỳ-kheo công khai lỗi mình, không lảng sang chuyện khác khi bị khiển trách, không im lặng giận dữ, không oán ghét hừng hực, không kết giao bạn xấu, không tạo lập phe đảng, không quên ơn, biết nhớ ơn. Nay chư Hiền, nếu ai không quên ơn, biết nhớ ơn thì người đó có đức tính nhu thuận. Nay chư Hiền, đó là những người có đức tính nhu thuận. Nếu ai tập thành đức tính nhu thuận ấy thì các vị Phạm hạnh dễ nói chuyện, dễ dạy bảo, dễ nhắc nhở và không ghét bỏ người đó. Nay chư Hiền, là một Tỳ-kheo, hãy tự mình suy xét như vậy: “Nay chư Hiền, nếu ai không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục thì tôi thích người đó. Nếu tôi không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục thì người đó cũng thích tôi.” Tỳ-kheo hãy quán xét như vậy, không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục, nên học tập như vậy. Cũng như thế, với những ai tâm ý thiện lành, hành động thiện lành, không cố ý che giấu lỗi lầm, không dối trá, không dua nịnh, không keo kiệt, không ganh tị, biết tự thẹn, biết xấu hổ, không sân giận ác ý, không nói lời căm phẫn, không mắng Tỳ-kheo khiển trách mình, không mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình, không mắng Tỳ-kheo công khai lỗi mình, không lảng sang chuyện khác khi bị khiển trách, không im lặng giận dữ, không oán ghét hừng hực, không kết giao bạn xấu, không tạo lập phe đảng, không quên ơn, biết nhớ ơn: “Nay chư Hiền, nếu có người không quên ơn, biết nhớ ơn thì tôi thích người đó. Nếu tôi không quên ơn, biết nhớ ơn thì người đó cũng thích tôi.” Tỳ-kheo hãy quán xét như vậy, không quên ơn, biết nhớ ơn, nên học tập như vậy.

Nay chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo quán xét như vậy: “Ta có ham muốn bất chánh và nghĩ tưởng tham dục hay không?” thì nhất định được nhiều lợi ích. Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo khi quán xét mà biết mình có ham muốn bất chánh, có nghĩ tưởng tham dục thì không thể vui, do đó mong muốn trừ bỏ chúng.

Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo khi quán xét mà biết mình không có ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục thì liền được hân hoan. “Ta được thanh tịnh nhờ cầu học pháp tôn quý”, nghĩ thế nên rất hân hoan. Nay chư Hiền! Như người có mắt lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình sạch hay dơ. Nếu người ấy thấy mặt mình có vết dơ thì không vui và mong muốn rửa sạch nó. Nếu người ấy thấy mặt mình không có vết dơ thì được hân hoan: “Mặt ta sạch sẽ”, nghĩ thế nên rất hân hoan.

[0572b07] Nay chư Hiền! Cũng như vậy, nếu khi quán xét, Tỳ-kheo biết mình có ham muốn bất chánh, có nghĩ tưởng tham dục thì không vui và mong cầu đoạn trừ chúng. Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo lúc quán xét mà biết mình không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục thì được hân hoan: “Ta được thanh tịnh nhờ cầu học pháp tôn quý”, nghĩ thế nên rất hân hoan.

Cũng như thế, Tỳ-kheo tự mình thường quán xét thế này: “Ta có tâm ý thiện lành và hành động thiện lành hay không? Ta có cố ý che giấu lỗi lầm hay không? Ta có dối trá và có dua nịnh hay không? Ta có keo kiệt và có ganh tị hay không? Ta biết tự thẹn và biết xấu hổ hay không? Ta có sân giận ác ý hay không? Ta có nói lời căm phẫn hay không? Ta có mắng Tỳ-kheo khiển trách mình hay không? Ta có mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình hay không? Ta có mắng Tỳ-kheo công khai lỗi mình hay không? Ta có lãng sang chuyện khác khi bị khiển trách hay không? Ta có im lặng giận dữ hay không? Ta có hừng hực oán ghét hay không? Ta có kết giao bạn xấu hay không? Ta có tạo lập phe đảng hay không? Ta có quên ơn không? Ta có biết ơn không?” Nay chư Hiền, nếu khi quán xét, Tỳ-kheo biết mình quên ơn, không biết ơn thì không vui và mong muốn đoạn trừ những điều ấy. Nếu Tỳ-kheo lúc quán xét mà biết mình không quên ơn, luôn biết ơn thì được hân hoan. “Ta được thanh tịnh nhờ cầu học pháp tôn quý”, nghĩ thế nên rất hân hoan.

Nay chư Hiền! Như người có mắt lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình sạch hay dơ. Nay chư Hiền, nếu người ấy thấy mặt mình có vết dơ thì không vui và mong muốn rửa sạch nó. Nếu người ấy thấy mặt mình không có vết dơ thì được hân hoan: “Mặt ta sạch sẽ”, nghĩ thế nên rất hân hoan. Nay chư Hiền, cũng vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán xét và biết mình quên ơn, không biết ơn thì không vui và mong muốn đoạn trừ những điều ấy. Nếu khi Tỳ-kheo quán xét và biết được mình không quên ơn, luôn nhớ ơn thì được hân hoan: “Ta được thanh tịnh nhờ cầu học pháp tôn quý”, nghĩ thế nên rất hân hoan. Do hân hoan nên được hoan hỷ, do hoan hỷ nên thân an tịnh, do thân an tịnh nên có cảm thọ lạc, do có cảm thọ lạc nên được định tâm. Nay chư Hiền! Thánh đệ tử đa văn nhờ định tâm nên thấy như thật và biết như thật, nhờ thấy như thật và biết như thật nên sanh tâm nhàm chán, nhờ nhàm chán nên được hạnh không tham dục, nhờ không tham dục nên được giải thoát, nhờ giải thoát nên được tri kiến giải thoát rồi biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.”

[0572c11] Tôn giả Đại Mục-kiền-liên dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

## 90. KINH BIẾT PHÁP<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Câu-xá-di,<sup>2</sup> ngụ tại tinh xá Cù-sur-la.<sup>3</sup>

Bấy giờ, Tôn giả Châu-na<sup>4</sup> nói với các Tỳ-kheo:

– Nếu có Tỳ-kheo nói như vậy: “Tôi biết rõ các pháp và cũng biết cách để không còn tham”,<sup>5</sup> nhưng tâm Hiền giả ấy vẫn bị tham chi phối. Vị ấy cũng nói như vậy đối với sự tranh cãi, sân hận, phẫn nộ, che giấu tội lỗi, bòn xén, ganh tị, lừa dối, đua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện,<sup>6</sup> nhưng tâm của Hiền giả ấy vẫn bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Các vị Phạm hạnh biết rằng Hiền giả ấy không biết rõ các pháp, cũng không biết cách để không còn tham. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả ấy vẫn bị tham chi phối. Tâm của vị ấy cũng như vậy đối với sự tranh cãi, sân hận, phẫn nộ, che giấu tội lỗi, bòn xén, ganh tị, lừa dối, đua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia vẫn bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối.

Này chư Hiền, ví như một người không giàu mà tự xưng giàu có, không có đất đai do vua ban tặng mà nói là có, không có gia súc mà nói là có, khi cần tiêu dùng thì không có vàng bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, gia súc, lúa gạo và cũng không có tôi tớ. Các bạn bè thân thích đến nhà người ấy và nói: “Anh thật sự không giàu mà tự xưng giàu có, không có đất đai do vua ban tặng mà nói là có, không có gia súc mà nói là có, khi cần tiêu dùng thì không có vàng bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, gia súc, lúa gạo và cũng không có tôi tớ.”

Cũng giống như thế, này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo nói như vậy: “Tôi biết rõ các pháp và cũng biết cách để không còn tham”, nhưng tâm Hiền giả ấy vẫn

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Tri pháp kinh* 知法經 (T.01. 0026.90. 0572c14). Tham chiếu: A. 10.24 - V. 41.

<sup>2</sup> Câu-xá-di (拘舍彌) còn gọi Kiêu-thường-di (憍賞彌, Kosambī), thuộc Trung Ấn Độ cổ, một trong 16 nước lớn thời Phật tại thế.

<sup>3</sup> Nguyên tác: Cù-sur-la viên (瞿師羅園). Xem chú thích 3, kinh số 72, tr. 465.

<sup>4</sup> Nguyên tác: Châu-na (周那, Cunda).

<sup>5</sup> Nguyên tác: Tăng tử (增伺). Xem chú thích 3, kinh số 75, tr. 497.

<sup>6</sup> Nguyên tác: Vô ác dục, ác kiến (無惡欲惡見). Tham chiếu: A. 10.24 - V. 41: *Pāpikā icchā na hoti* (ác dục không có mặt). Những phiên nào liệt kê ở đây đã được chú thích trong các kinh *MĀ*. 88, *MĀ*. 89.

bị tham chi phối. Vị ấy cũng nói như vậy đối với sự tranh cãi, sân hận, phần nộ, che giấu tội lỗi, bòn xén, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện, nhưng tâm của Hiền giả ấy vẫn bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Các vị Phạm hạnh biết rằng Hiền giả ấy không biết rõ các pháp, cũng không biết cách để không còn tham. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt sạch tham, không hướng đến Vô dư Niết-bàn. Vị ấy cũng nói như vậy đối với sự tranh cãi, sân hận, phần nộ, che giấu tội lỗi, bòn xén, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt sạch thấy biết bất thiện, không hướng đến Vô dư Niết-bàn.

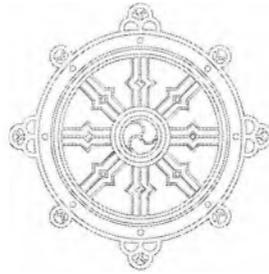
[0573a13] Nay chư Hiền! Có Tỳ-kheo không nói như vậy: “Tôi biết rõ các pháp và cũng biết cách để không còn tham”, nhưng tâm của Hiền giả kia không bị tham chi phối. Vị ấy cũng không nói như vậy đối với tranh cãi, sân hận, phần nộ, che giấu tội lỗi, bòn xén, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện, nhưng tâm của Hiền giả ấy không bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Các vị Phạm hạnh biết rằng Hiền giả ấy thật biết các pháp và biết cách để không còn tham. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia không bị tham chi phối. Vị ấy cũng như vậy đối với tranh cãi, sân hận, phần nộ, che giấu tội lỗi, bòn xén, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia không bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối.

Nay chư Hiền, như người rất giàu mà không tự xưng mình giàu, có đất đai do vua ban tặng mà không tự nói là có, gia súc đầy đàn mà cũng không tự nói là có, khi cần tiêu dùng thì luôn sẵn có vàng, bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, gia súc, lúa gạo và có cả tôi tớ. Các bạn bè thân thích đến nhà người ấy và nói: “Anh thật sự rất giàu mà không tự xưng mình giàu, có đất đai do vua ban tặng mà không tự nói là có, gia súc đầy đàn mà cũng không tự nói là có, khi cần tiêu dùng thì luôn sẵn có vàng, bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, gia súc, lúa gạo và có cả tôi tớ.”

Cũng giống như thế, nay chư Hiền, có Tỳ-kheo không nói như vậy: “Tôi biết rõ các pháp và cũng biết cách để không còn tham”, nhưng tâm của Hiền giả kia không bị tham chi phối. Vị ấy cũng không nói như vậy đối với tranh cãi, sân hận, phần nộ, che giấu tội lỗi, bòn xén, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện, nhưng tâm của Hiền giả ấy không bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Các vị Phạm hạnh biết Hiền giả ấy thật biết các pháp, biết cách để không còn tham. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia đã hướng đến chỗ diệt sạch tham, đã hướng đến Vô dư Niết-bàn. Vị ấy cũng như vậy đối với sự tranh cãi,

sân hận, phẫn nộ, che giấu tội lỗi, bòn xén, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia đã hướng đến chỗ diệt sạch thấy biết bất thiện, đã hướng đến Vô dư Niết-bàn.”

Tôn giả Châu-na thuyết giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả giảng nói xong đều hoan hỷ phụng hành.





# 91. KINH CHÂU-NA HỎI VỀ CÁC KIẾN CHẤP<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Câu-xá-di,<sup>2</sup> ngụ tại tinh xá Cù-sur-la.<sup>3</sup>

Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả Đại Châu-na rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và hỏi:

– Bạch Thế Tôn! Trên đời này có nhiều kiến chấp<sup>4</sup> sanh khởi và hiện hành,<sup>5</sup> như chủ trương có ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng và có thế giới.<sup>6</sup> Bạch Thế Tôn! Cần phải biết như thế nào, thấy như thế nào để những kiến chấp này được diệt trừ, được xả ly và cũng khiến cho những kiến chấp còn lại không còn kéo dài, không bị chấp thủ?

Lúc ấy, Thế Tôn bảo:

– Nay Châu-na, trên đời này đúng là có nhiều kiến chấp sanh khởi và hiện hành, như chủ trương có ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng và có thế giới. Nay Châu-na, nếu muốn các pháp ấy diệt sạch không sót lại gì cần phải biết như vậy, thấy như vậy mới khiến cho các kiến chấp ấy được diệt trừ, được xả ly và cũng khiến cho những kiến chấp còn lại không còn kéo dài, không bị chấp thủ, đó là hãy nên học pháp đoạn giảm.<sup>7</sup>

Này Châu-na, thế nào là đoạn giảm trong giáo pháp của bậc Thánh? Tỳ-kheo lia dục, lia pháp xấu ác, bất thiện,... (cho đến) chứng đắc Thiên thứ tư, thành tựu và an trú, vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã thực hành pháp đoạn giảm.”

---

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Châu-na vấn kiến kinh* 周那問見經 (T.01. 0026.91. 0573b13). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (T.02. 0125.47.9. 0784a06); *M. 8, Sallekha Sutta (Kinh đoạn giảm)*.

<sup>2</sup> Câu-xá-di (拘舍彌, Kosambī) còn gọi là Kiêu-thương-di (憍賞彌), thủ đô của nước Bạt-sa (跋蹉, Vamśa), hiện nay cách Allahabad 45km về phía Tây Nam.

<sup>3</sup> Cù-sur-la viên (瞿師羅園, Ghositārāma). Xem chú thích 3, kinh số 72, tr. 465.

<sup>4</sup> Nguyên tác: Chư kiến (諸見). Ở đây chỉ kiến giải, chủ trương, luận thuyết của ngoại đạo. Dưới nhãn quang của một bậc Thánh giác ngộ, tư tưởng ấy bị rơi vào chấp đoạn hoặc chấp thường, không đưa đến giải thoát nên thường gọi “chư kiến” ấy là “kiến chấp” hay “tà kiến.”

<sup>5</sup> Nguyên tác: Sanh nhi sanh (生而生).

<sup>6</sup> Các kiến chấp: Thần (神, *attā*), chúng sanh (眾生, *satta*), nhân (人, *puggala*), thọ (壽, *āyu*), mạng (命, *jīva*), thế (世, *loka*) đều có mối liên hệ đến Hữu ngã luận (*Attavāda*).

<sup>7</sup> Nguyên tác: Tiệm tổn (漸損, *sallekha*): Tồn giảm. Ở đây chỉ cho sự đoạn diệt, giảm bớt những tà kiến, pháp ác hay tâm ý bất thiện để sinh khởi và tăng thêm chánh kiến, cũng như những pháp thiện hay tâm ý thiện.

Này Châu-na! Trong giáo pháp của bậc Thánh không phải chỉ có pháp đoạn giảm này.<sup>8</sup>

Có bốn tâm tăng thượng, hiện pháp lạc trú,<sup>9</sup> hành giả từ đó xuất rồi nhập trở lại, vị ấy nghĩ thế này: “Ta đã thực hành pháp đoạn giảm.” Này Châu-na! Trong giáo pháp của bậc Thánh không phải chỉ có pháp đoạn giảm này.

Tỳ-kheo vượt khỏi mọi sắc tướng,... (cho đến) chứng đắc Phi tướng phi phi tướng xứ, thành tựu an trú và vị ấy nghĩ thế này: “Ta đã thực hành pháp đoạn giảm.” Này Châu-na! Trong giáo pháp của bậc Thánh không chỉ có pháp đoạn giảm này.

Có bốn tịch tĩnh giải thoát,<sup>10</sup> lìa sắc, chứng đắc Vô sắc, hành giả từ đó khởi lên sẽ nói cho người khác biết. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã thực hành pháp đoạn giảm.”

[0573c06] Này Châu-na! Trong giáo pháp của bậc Thánh không chỉ có pháp đoạn giảm này.

Này Châu-na! Người khác ham muốn bất chánh, nghĩ tưởng tham dục, nhưng ta không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Người khác sân hận với hại tâm,<sup>11</sup> nhưng ta không sân hận, không hại tâm; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Người khác sát sanh, trộm cướp, phi Phạm hạnh, nhưng ta có Phạm hạnh; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Người khác tham lam,<sup>12</sup> não hại,<sup>13</sup> ham mê ngủ nghỉ,<sup>14</sup> loạn động,<sup>15</sup> công cao và nghi hoặc,<sup>16</sup> nhưng ta không có nghi hoặc; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Người khác sân giận, đua nịnh, lừa gạt, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ, nhưng ta biết tự thẹn, biết xấu hổ; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Người khác khinh mạn, nhưng ta không khinh mạn; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

<sup>8</sup> M. 8, *Sallekha Sutta* (Kinh đoạn giảm): *Na kho panete, cunda, ariyassa vinaye sallekhā vuccanti, diṭṭhadhamma-sukhavihārā ete ariyassa vinaye vuccanti* (Này Cunda, các [quả chứng] ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là hiện tại lạc trú trong giới luật của bậc Thánh), HT. Thích Minh Châu dịch.

<sup>9</sup> Nguyên tác: Tứ tăng thượng tâm, hiện pháp lạc cư (四增上心, 現法樂居), chỉ cho tính chất của 4 định Sắc giới.

<sup>10</sup> Nguyên tác: Tức giải thoát (息解脫), chỉ cho tính chất của 4 định Vô sắc giới. Pāli: *Santā vimokkhā*.

<sup>11</sup> Nguyên tác: Hại ý sân (害意瞋).

<sup>12</sup> Nguyên tác: Tăng tứ (增伺). Xem chú thích 3, kinh số 75, tr. 497.

<sup>13</sup> Nguyên tác: Tránh ý (諍意, *vyāpannacitta*).

<sup>14</sup> Nguyên tác: Thụy miên sở triền (睡眠所纏): Bị trói buộc bởi ngủ nghỉ.

<sup>15</sup> Nguyên tác: Điều công cao (調貢高): Trạo cử (掉舉), trạo hối (掉悔).

<sup>16</sup> Năm triền cái (五纏蓋, *pañca nīvaranā*) gồm: tham dục (貪欲, *kāmarāga*), sân khuê (瞋恚, *vyāpāda*), thụy miên (睡眠, *thinamiddha*), trạo cử (掉舉, *uddhacca*) và nghi (疑, *vicikicchā*).

Người khác kiêu căng,<sup>17</sup> nhưng ta không kiêu căng; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Người khác không học kinh nghe pháp, nhưng ta siêng học kinh nghe pháp;<sup>18</sup> hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Người khác không quán các pháp thiện, nhưng ta quán các pháp thiện; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Người khác làm việc phi pháp, hạnh xấu, nhưng ta làm việc đúng pháp, diệu hạnh; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Người khác nói dối, nói hai chiều, nói thô tháo, nói thêu dệt, thọ trì giới thấp kém, nhưng ta không thọ trì giới thấp kém; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Người khác không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định, lại có tuệ thấp kém, nhưng ta không có tuệ thấp kém; hãy học pháp đoạn giảm như thế.

Này Châu-na! Chỉ cần phát tâm, nghĩ đến và mong cầu học các pháp thiện mà còn được nhiều lợi ích, huống là thân và miệng thực hành những pháp thiện ấy.

Này Châu-na! Người khác ham muốn bất chánh, nghĩ tưởng tham dục, nhưng ta không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục; hãy phát tâm như thế.

Người khác sân hận với hại tâm, nhưng ta không sân hận, không có hại tâm; hãy phát tâm như thế.

Người khác sát sanh, trộm cướp, phi Phạm hạnh, nhưng ta có Phạm hạnh; hãy phát tâm như thế.

Người khác tham lam, não hại, ham mê ngủ nghỉ, loạn động công cao và nghỉ hoặc, nhưng ta không nghỉ hoặc; hãy phát tâm như thế.

Người khác sân giận, đua nịnh, lừa gạt, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ, nhưng ta biết tự thẹn, biết xấu hổ; hãy phát tâm như thế.

Người khác khinh mạn, nhưng ta không khinh mạn; hãy phát tâm như thế.

Người khác kiêu căng, nhưng ta không kiêu căng; hãy phát tâm như thế.

Người khác không học kinh nghe pháp, nhưng ta siêng học kinh nghe pháp; hãy phát tâm như thế.

Người khác không quán các pháp thiện, nhưng ta quán các pháp thiện; hãy phát tâm như thế.

Người khác làm việc phi pháp, hạnh xấu, nhưng ta làm việc đúng pháp, diệu hạnh; hãy phát tâm như thế.

<sup>17</sup> Nguyên tác: Tăng mạn (增慢, *atimāna*): Ngã mạn, kiêu căng.

<sup>18</sup> Nguyên tác: Đa văn (多聞).

Người khác nói dối, nói hai chiều, nói thô tháo, nói thù dật, thọ trì giới thấp kém, nhưng ta không thọ trì giới thấp kém; hãy phát tâm như thế.

Người khác không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định, lại có tuệ thấp kém, nhưng ta không có tuệ thấp kém; hãy phát tâm như thế.

[0574a08] Nay Châu-na! Ví như con đường xấu thì có con đường tốt đối trị; bên đò xấu thì có bên đò tốt đối trị. Cũng vậy, ham muốn bất chánh thì có không ham muốn bất chánh đối trị; sân hận với hại tâm thì có không sân hận và không hại tâm đối trị; sát sanh, trộm cướp, phi Phạm hạnh thì có Phạm hạnh đối trị; tham lam, não hại, ham mê ngủ nghỉ, loạn động, cống cao, nghi hoặc thì có không nghi hoặc đối trị; sân giận, dua nịnh, lừa gạt, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ thì có biết tự thẹn, biết xấu hổ đối trị; khinh mạn thì có không khinh mạn đối trị; kiêu căng thì có không kiêu căng đối trị; không học kinh nghe pháp thì có siêng học kinh nghe pháp đối trị; không quán các pháp thiện thì có quán các pháp thiện đối trị; hành phi pháp, hạnh xấu thì có hành đúng pháp, diệu hạnh đối trị; nói dối, nói hai chiều, nói thô tháo, nói thù dật, thọ trì giới thấp kém thì có thủ hộ giới cao đẹp đối trị; không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định, lại có tuệ thấp kém thì có tuệ cao đẹp đối trị.

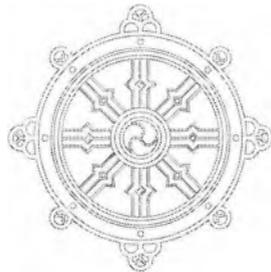
Này Châu-na! Nếu hành pháp ác thì có quả báo xấu, dẫn đến chốn bất thiện; nếu hành pháp thiện thì có quả báo tốt và được hưởng thượng. Cũng như thế, người ham muốn bất chánh thì dùng không ham muốn bất chánh để hưởng thượng; người sân hận với hại tâm thì dùng không sân hận và không hại tâm để hưởng thượng; người sát sanh, trộm cướp, phi Phạm hạnh thì dùng Phạm hạnh để hưởng thượng; người tham lam, não hại, ham mê ngủ nghỉ, loạn động, cống cao, nghi hoặc thì dùng không nghi hoặc để hưởng thượng; người sân giận, dua nịnh, lừa gạt, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ thì dùng biết tự thẹn, biết xấu hổ để hưởng thượng; người khinh mạn thì dùng không khinh mạn để hưởng thượng; người kiêu căng thì dùng không kiêu căng để hưởng thượng; người không học kinh nghe pháp thì dùng siêng học kinh nghe pháp để hưởng thượng; người không quán các pháp thiện thì dùng quán các pháp thiện để hưởng thượng; người hành phi pháp, hạnh xấu thì dùng hành đúng pháp, diệu hạnh để hưởng thượng; người nói dối, nói gây chia rẽ, nói thô tháo, nói thù dật, thọ trì giới thấp kém thì dùng giới cao đẹp để hưởng thượng; người không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định, có tuệ thấp kém thì dùng tuệ cao đẹp để hưởng thượng.

[0574b02] Nay Châu-na! Nếu có người không tự mình điều phục mà muốn giúp người khác điều phục thì điều này không thể xảy ra. Nếu có người đang bị chết chìm mà muốn cứu vớt người khác, việc ấy không thể được. Nếu có người không giải thoát mà muốn giúp người khác giải thoát, việc ấy không thể được. Nay Châu-na, nếu có người tự mình điều phục và muốn giúp người khác điều phục thì điều này có thể xảy ra. Nếu có người không bị chết chìm mà muốn cứu

vớt người khác, việc ấy có thể được. Nếu có người đã được giải thoát và muốn giúp người khác giải thoát, việc ấy có thể được. Cũng như thế, này Châu-na, người ham muốn bắt chánh thì nhờ không ham muốn bắt chánh mà được giải thoát. Người sân hận với hại tâm thì nhờ không sân hận và không hại tâm mà được giải thoát. Người sát sanh, trộm cướp, phi Phạm hạnh thì nhờ Phạm hạnh mà được giải thoát. Người tham lam, não hại, ham mê ngủ nghỉ, loạn động, cống cao, nghi hoặc thì nhờ không nghi hoặc mà được giải thoát. Người sân giận, dua nịnh, lừa gạt, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ thì nhờ biết tự thẹn, biết xấu hổ mà được giải thoát. Người khinh mạn thì nhờ không khinh mạn mà được giải thoát. Người kiêu căng thì nhờ không kiêu căng mà được giải thoát. Người không học kinh nghe pháp thì nhờ siêng học kinh nghe pháp mà được giải thoát. Người không quán các pháp thiện thì nhờ quán các pháp thiện mà được giải thoát. Người hành phi pháp, hạnh xấu thì nhờ hành đúng pháp, diệu hạnh mà được giải thoát. Người nói dối, nói lời chia rẽ, nói thô tháo, nói thêu dệt, thọ trì giới thấp kém thì nhờ thủ hộ giới cao đẹp mà được giải thoát. Người không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định, lại có tuệ thấp kém thì nhờ tuệ cao đẹp mà được giải thoát.

Này Châu-na! Như Lai đã vì thầy mà nói về pháp đoạn giảm, pháp phát tâm, pháp đối trị, pháp hướng thượng và pháp giải thoát rồi. Như bậc Tôn sư vì đệ tử mà khởi lòng từ ái, khởi lòng thương tưởng, mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn và hân hoan cho họ; Như Lai đã làm như vậy, các thầy cũng nên tự mình thực hành. Hãy đến nơi thanh vắng, ở bên gốc cây, hoặc nơi núi rừng, ở chỗ an ổn thanh vắng mà tĩnh tọa tư duy, chớ nên buông lung, hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Như Lai, đó là lời khuyên bảo của Như Lai.

Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Đại Châu-na và các Tỷ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.





## 92. KINH VÍ DỤ VỀ HOA SEN XANH, HOA SEN TRẮNG<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hoặc có pháp từ nơi thân mà được diệt trừ, không phải từ nơi miệng mà được diệt trừ; hoặc có pháp từ nơi miệng mà được diệt trừ, không phải từ nơi thân mà được diệt trừ; hoặc có pháp không phải từ nơi thân hay từ nơi miệng mà được diệt trừ nhưng do tuệ kiến nên được diệt trừ.<sup>2</sup>

Thế nào là pháp từ nơi thân mà được diệt trừ, không phải từ nơi miệng mà được diệt trừ? Tỳ-kheo có thân hành bất thiện đầy dẫy nhưng lại nắm giữ không buông bỏ, tích tập chúng nơi thân.<sup>3</sup> Các Tỳ-kheo khác thấy vậy liền quở trách Tỳ-kheo ấy rằng: “Này Hiền giả! Thân hành thầy đầy dẫy bất thiện mà lại nắm giữ không buông bỏ, sao thầy cứ tích tập chúng vào thân như thế? Này Hiền giả, hãy xả bỏ việc bất thiện nơi thân, thân thực hành việc thiện.” Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy xả bỏ việc bất thiện nơi thân, thân thực hành việc thiện. Đó gọi là pháp từ nơi thân mà được diệt trừ, không phải từ nơi miệng mà được diệt trừ.

Thế nào là pháp từ nơi miệng mà được diệt trừ, không phải từ nơi thân mà được diệt trừ? Tỳ-kheo có khẩu hành bất thiện đầy dẫy nhưng lại nắm giữ không buông bỏ, tích tập chúng nơi miệng. Các thầy Tỳ-kheo khác thấy vậy liền quở trách Tỳ-kheo ấy rằng: “Này Hiền giả! Khẩu hành thầy đầy dẫy bất thiện mà lại nắm giữ không buông bỏ, sao thầy cứ tích tập chúng vào miệng như thế? Này Hiền giả, hãy xả bỏ việc bất thiện của miệng, miệng thực hành việc thiện.” Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy xả bỏ việc bất thiện của miệng, miệng thực hành việc thiện. Đó gọi là pháp từ nơi miệng mà được diệt trừ, không phải từ nơi thân mà được diệt trừ.

Thế nào là pháp không phải từ nơi thân hay từ nơi miệng mà được diệt trừ nhưng do tuệ kiến nên được diệt trừ? Tham lam<sup>4</sup> không phải từ thân hay từ nơi

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Thanh bạch liên hoa dụ kinh* 青白蓮華喻經 (T.01. 0026.92. 0574c01). Tựa đề được Phật dạy trong phần cuối kinh.

<sup>2</sup> Tuệ kiến (慧見): Thấy biết với trí tuệ, thấy biết chân chánh, thấy biết đúng pháp, tức chánh kiến.

<sup>3</sup> Nguyên tác: Trữ thân (著身): Tích chứa, tích tập, huân tập vào thân.

<sup>4</sup> Nguyên tác: Tham tứ (貪伺, *abhiijhā*): Tham cầu, tham dục. Xem chú thích 2, kinh số 15, tr. 84 và chú thích 3, kinh số 75, tr. 497.

miệng mà được diệt trừ nhưng do tuệ kiến nên được diệt trừ. Cũng vậy, tranh cãi,<sup>5</sup> sân hận,<sup>6</sup> phẫn nộ,<sup>7</sup> che giấu,<sup>8</sup> bòn xén,<sup>9</sup> ganh ghét,<sup>10</sup> dối gạt,<sup>11</sup> dua nịnh,<sup>12</sup> không hổ,<sup>13</sup> không thẹn,<sup>14</sup> tham muốn lệch lạc,<sup>15</sup> thấy biết bất thiện<sup>16</sup> không phải từ nơi thân hay từ nơi miệng mà được diệt trừ nhưng do tuệ kiến nên được diệt trừ. Đó gọi là pháp không phải từ nơi thân hay từ nơi miệng mà được diệt trừ nhưng do tuệ kiến nên được diệt trừ.

Như Lai quán sát tâm của người khác, biết người đó không tu thân, không tu giới, không tu tâm và không tu tuệ. Nếu như người đó có tu thân, tu giới, tu tâm và tu tuệ thì đã diệt trừ được tham lam.<sup>17</sup> Vì sao như vậy? Vì tâm người này vẫn còn bị tham lam sanh khởi và chi phối. Cũng như vậy, đối với tranh cãi, sân hận, phẫn nộ, che giấu, bòn xén, ganh ghét, dối gạt, dua nịnh, không hổ, không thẹn, không tham muốn lệch lạc và thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm người này vẫn còn bị tham muốn lệch lạc, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối.

Như Lai cũng biết người đó có tu thân, tu giới, tu tâm và tu tuệ. Nếu như người đó có tu thân, tu giới, tu tâm và tu tuệ thì diệt được tham lam. Vì sao như vậy? Vì tâm người này không còn bị tham lam sanh khởi và chi phối. Cũng như vậy, đối với tranh cãi, sân hận, phẫn nộ, che giấu, bòn xén, ganh ghét, dối gạt, dua nịnh, không hổ, không thẹn, không tham muốn lệch lạc và thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm người này không còn bị tham muốn lệch lạc, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối.

Giống như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng sanh từ trong nước, lớn lên trong nước, nhô khỏi mặt nước nhưng không bị thấm nước. Như Lai cũng thế, sanh từ thế gian, lớn giữa thế gian, xuất thế tu hành nhưng không nhiễm pháp thế gian. Vì sao như vậy? Vì đáng Như Lai là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác vượt trên tất cả thế gian.

<sup>5</sup> Nguyên tác: Tranh tụng (諍訟, *adhikarana*): Tranh cãi.

<sup>6</sup> Nguyên tác: Khuê hận (悲恨, *upanāha*): Sân hận, thù hận.

<sup>7</sup> Nguyên tác: Sân triền (瞋纏, *kodha*): Phẫn nộ.

<sup>8</sup> Nguyên tác: Bất ngữ kiết (不語結, *makkha*), còn gọi là “bất ngữ triền” (不語纏), có nghĩa là che giấu. Theo *Tỳ-bà-sa luận 鞞婆沙論* (T.28. 1547.02. 0426c06), “bất ngữ triền” nương tựa “ái” (愛, *taṇhā*) và cũng nương tựa “vô minh” (無明, *avijjā*). “Nương tựa ái” nghĩa là vì ái nên che giấu. “Nương vô minh” nghĩa là vì mê mờ nên che giấu (不語纏亦依愛亦依無明, 依愛者, 愛故覆藏. 依無明者, 無智故覆藏).

<sup>9</sup> Nguyên tác: Xan (慳, *macchara*).

<sup>10</sup> Nguyên tác: Tật (嫉, *issā, usūyā*).

<sup>11</sup> Nguyên tác: Khi cuồng (欺誑, *māyā*).

<sup>12</sup> Nguyên tác: Du siểm (諛諂, *sātheyya*).

<sup>13</sup> Nguyên tác: Vô tâm (無慚, *ahirika*).

<sup>14</sup> Nguyên tác: Vô quý (無愧, *anottappa*).

<sup>15</sup> Nguyên tác: Ác dục (惡欲, như chữ “ác tham” (惡貪, *visamalobha*): Tham muốn phi lý, bất chánh, dị dạng, lệch lạc.

<sup>16</sup> Nguyên tác: Ác kiến (惡見), dùng như chữ “tà kiến” (邪見, *micchādiṭṭhī*).

<sup>17</sup> Nguyên tác: Tăng tứ (增伺), cách dùng khác của “tham tứ” (貪伺). Xem chú thích 2, kinh số 15, tr. 84 và chú thích 3, kinh số 75, tr. 497.

[0575a07] Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật, liền chấp tay hướng Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì và nên thọ trì thế nào?

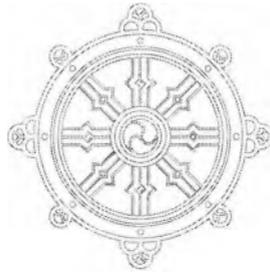
Lúc ấy, Thế Tôn bảo:

– A-nan! Kinh này tên “Ví dụ về hoa sen xanh, hoa sen trắng” thầy hãy khéo thọ trì và đọc tụng như thế.

Rồi Thế Tôn lại dạy các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy cùng thọ trì, đọc tụng, tu tập và gìn giữ kinh “Ví dụ về hoa sen xanh, hoa sen trắng” này. Vì sao như vậy? Vì kinh này đầy đủ cả pháp và nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, giúp hành giả thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Các thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì hãy khéo thọ trì kinh này.

Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.





## 93. KINH PHẠM CHÍ THỦY TỊNH<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, lúc mới thành Chánh giác, đức Phật đến Uất-tỳ-la,<sup>2</sup> bên bờ sông Ni-liên-nhiên<sup>3</sup> và ngồi bên cội cây A-da-hòa-la Ni-câu-loại.<sup>4</sup>

Bấy giờ, sau buổi trưa, có Phạm chí Thủy Tịnh<sup>5</sup> thong thả đi đến chỗ Phật. Từ xa trông thấy Phạm chí Thủy Tịnh đang đến, Thế Tôn nhân vì Phạm chí Thủy Tịnh mà bảo các Tỳ-kheo:<sup>6</sup>

– Nếu người nào có hai mươi một thứ cấu uế trong tâm<sup>7</sup> thì chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục.

Hai mươi một thứ cấu uế ấy là những gì? Đó là tâm cấu uế do tà kiến, tâm cấu uế do dục vọng bất chánh,<sup>8</sup> tâm cấu uế do tham muốn lệch lạc,<sup>9</sup> tâm cấu uế do tà pháp,<sup>10</sup> tâm cấu uế do dục tham,<sup>11</sup> tâm cấu uế do sân hận,<sup>12</sup> tâm cấu uế

---

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Thủy Tịnh Phạm chí kinh* 水淨梵志經 (T.01. 0026.93. 0575a19). Tham chiếu: *Phạm chí Kế Thủy Tịnh kinh* 梵志計水淨經 (T.01. 0051. 0843c13); *Tap. 雜* (T.02. 0099.1185. 0321a24); *Biệt Tap.* 別雜 (T.02. 0100.98. 0408b25); *Tăng. 增* (T.02. 0125.13.5. 0573c01); *M. 7, Vatthūpama Sutta* (*Kinh vi dụ tâm vãi*).

<sup>2</sup> Uất-tỳ-la (鬱鞞羅, Uruvela).

<sup>3</sup> Ni-liên-nhiên (尼連然, Nerañjarā) còn gọi Ni-liên-thiền (尼連禪).

<sup>4</sup> A-da-hòa-la Ni-câu-loại (阿耶耆羅尼拘類, Ajapālanigrodha).

<sup>5</sup> Nguyên tác: Thủy Tịnh Phạm chí (水淨梵志). Có những vị Bà-la-môn tu tập theo cách thường xuống những dòng sông linh thiêng tắm gội, với niềm tin sẽ trừ sạch được nghiệp ác của mình nên họ được gọi là Bà-la-môn Thủy Tịnh hay Phạm chí Thủy Tịnh.

<sup>6</sup> Khi vừa thành đạo, đức Phật chưa có đệ tử xuất gia. Có khả năng phần mở đầu của bài kinh này được bổ sung theo quán lệ. Tham chiếu các kinh Pāli và các bản Hán dịch, nội dung kinh này được nói tại Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

<sup>7</sup> Nguyên tác: Uế ô ư tâm (穢汚於心, *cittassa upakkilesa*): Tùy phiền não của tâm.

<sup>8</sup> Nguyên tác: Phi pháp dục (非法欲, *adhammarāga*). *Chuyển Luân Thánh Vương tu hành kinh* 轉輪聖王修行經 (T.01. 0001.6. 0041a09) ghi là “phi pháp dâm” (非法婬).

<sup>9</sup> Nguyên tác: Ác tham (惡貪, *visamalobha*): Tham muốn phi lý, bất chánh, dị dạng, lệch lạc.

<sup>10</sup> Nguyên tác: Tà pháp (邪法, *micchādhamma*). *Tiểu duyên kinh* 小緣經 (T. 01. 0001.5. 0037a07) ghi là tà kiến (邪見).

<sup>11</sup> Nguyên tác: Tham (貪, *kāmacchanda*), chỉ cho dục tham. *MNid.* 1.1, *Kāmasuttanidesa* giải thích rộng về dục: *Katame kilesakāmā? Chando kāmo, rāgo kāmo, chandarāgo kāmo, saṅkappo kāmo, rāgo kāmo, saṅkapparāgo kāmo, yo kāmesu kāmacchando, kāmarāgo, kāmanandi, kāmatanḥā, kāmasineho, kāmaparilāho, kāmamucchā, kāmajhosānaṃ, kāmogho, kāmayogo, kāmūpādānaṃ, kāmacchandānīvaraṇaṃ.* (Ồ nhiễm dục là các loại nào? Mong muốn là dục, luyện ái là dục, mong muốn và luyện ái là dục, suy tâm là dục, luyện ái là dục, suy tâm và luyện ái là dục, sự mong muốn về dục, sự luyện ái về dục, niềm vui về dục, sự ham muốn về dục, sự thương yêu về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự ràng buộc của dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó của dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn ở các dục), *Tỳ-khuru Indacanda* dịch.

<sup>12</sup> Nguyên tác: Khuê (恚, *vyāpāda*): Sân hận (瞋恨).

do mê ngủ,<sup>13</sup> tâm cấu uế do loạn động,<sup>14</sup> tâm cấu uế do nghi hoặc,<sup>15</sup> tâm cấu uế do phẫn nộ,<sup>16</sup> tâm cấu uế do che giấu,<sup>17</sup> tâm cấu uế do bòn xén,<sup>18</sup> tâm cấu uế do ganh ghét,<sup>19</sup> tâm cấu uế do dối gạt,<sup>20</sup> tâm cấu uế do dua nịnh,<sup>21</sup> tâm cấu uế do không tự thẹn,<sup>22</sup> tâm cấu uế do không xấu hổ,<sup>23</sup> tâm cấu uế do mạn,<sup>24</sup> tâm cấu uế do đại mạn,<sup>25</sup> tâm cấu uế do ngạo mạn<sup>26</sup> và tâm cấu uế do buông lung.<sup>27</sup> Nếu người nào có hai mươi một thứ cấu uế<sup>28</sup> trong tâm thì chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục.

Ví như đem chiếc áo dính đầy bụi bẩn đến nhà thợ nhuộm, người thợ kia nhận áo rồi, hoặc dùng tro sạch,<sup>29</sup> hoặc dùng bột đậu,<sup>30</sup> hoặc dùng nước vỏ cây<sup>31</sup> giặt thật kỹ, muốn cho chiếc áo này sạch hết bụi bẩn. Cho dù người thợ nhuộm đã dùng nhiều cách, hoặc bằng tro sạch, hoặc bằng bột đậu, hoặc bằng nước vỏ cây giặt cho thật kỹ, nhưng chiếc áo bẩn này vẫn còn vết dơ.<sup>32</sup> Cũng vậy, nếu người nào có hai mươi một thứ cấu uế này trong tâm thì chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Hai mươi một thứ cấu uế ấy là những gì? Đó là tâm cấu uế do

<sup>13</sup> Nguyên tác: Thụy miên (睡眠, *thinamiddha*), viết tắt của “hôn trầm thụy miên” (昏沈睡眠).

<sup>14</sup> Nguyên tác: Trạo hối (掉悔, *uddhacca*), còn gọi là “trạo cử” (掉舉). *Bộ Pháp tụ* (*Dhammasaṅgāṇī*) giải thích: *Tattha katamam uddhaccam? Yam cittassa uddhaccam avūpasamo cetaso vikkhepo bhantattam cittassa, idam vuccati uddhaccam...* (Thế nào gọi là “trạo cử”? Đó là trạng thái dao động, là trạo cử, là dấu hiệu tâm không tịch tĩnh, giống như ném viên đá ném vào trong đồng tro, gọi đó là trạo hối).

<sup>15</sup> Nguyên tác: Nghi hoặc (疑惑, *vicikicchā*).

<sup>16</sup> Nguyên tác: Sân triền (瞋纏, *kodha*).

<sup>17</sup> Nguyên tác: Bất ngữ kết (不語結, *makkha*). Xem chú thích 8, kinh số 92, tr. 618.

<sup>18</sup> Nguyên tác: Xan (慳, *macchara*).

<sup>19</sup> Nguyên tác: Tật (嫉, *issā, usūyā*).

<sup>20</sup> Nguyên tác: Khi cuồng (欺誑, *māyā*).

<sup>21</sup> Nguyên tác: Du siểm (諛諂, *sātheyya*).

<sup>22</sup> Nguyên tác: Vô tâm (無慚, *ahirika*).

<sup>23</sup> Nguyên tác: Vô quý (無愧, *anottappa*).

<sup>24</sup> Nguyên tác: Mạn (慢, *māna*): Sự ngã mạn, việc ý lại mình.

<sup>25</sup> Nguyên tác: Đại mạn (大慢, *atimāna*): Cho mình là hơn. *Diễn Tôn kinh* 典尊經 (T.01. 0001.3. 0032c20) ghi: Tăng thượng mạn (增上慢).

<sup>26</sup> Nguyên tác: Kiêu ngạo (憍傲, *mada*): Kiêu hãnh, kiêu căng.

<sup>27</sup> Nguyên tác: Phóng dật (放逸, *pamāda*): Buông lung, giải đãi.

<sup>28</sup> Nguyên tác 21 tâm cấu uế gồm: Tà kiến, phi pháp dục, ác tham, tà pháp, tham, khuê, thụy miên, trạo hối, nghi hoặc, sân triền, bất ngữ kết, san, tật, khi cuồng, du siểm, vô tâm, vô quý, mạn, đại mạn, kiêu ngạo, phóng dật (邪見, 非法欲, 惡貪, 邪法, 貪, 恚, 睡眠, 掉悔, 疑惑, 瞋纏, 不語結, 慳, 嫉, 欺誑, 諛諂, 無慚, 無愧, 慢, 大慢, 憍傲, 放逸).

<sup>29</sup> Thuần hôi (淳灰): Tro sạch.

<sup>30</sup> Nguyên tác: Tháo đậu (澡豆). Xem chú thích 10, kinh số 81, tr. 545.

<sup>31</sup> Thổ tỳ (土漬): Nước chiết ra từ vỏ cây đặc biệt của Ấn Độ, Trung Hoa dịch là “thổ.” Thổ (土) là vỏ của cây dâu (桑根之皮也, 音杜). Ở Ấn Độ, có một loại cây được gọi là xà phòng Ấn Độ, thường gọi là cây neem. Trong A. 8.11 - IV. 172 ghi là *pucimanda* (cây xoan, cây sấu đậu), cũng gọi là cây nimba, cây xoan Ấn Độ, có tên khoa học là *Azadirachta Indica*. Ngành hóa được phẩm của Ấn Độ ngày nay đã chiết xuất tinh chất loại cây này thành những được phẩm chăm sóc sức khỏe, hiện được sử dụng rộng rãi ở Ấn Độ và xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới.

<sup>32</sup> *Phạm chí Kế Thủy Tịnh kinh* 梵志計水淨經 (T.01. 0051. 0843c13) cũng ghi không thể giặt sạch như vậy.

tà kiến, tâm cấu ứ do dục vọng bất chánh, tâm cấu ứ do tham muốn lệch lạc, tâm cấu ứ do tà pháp, tâm cấu ứ do dục tham, tâm cấu ứ do sân hận, tâm cấu ứ do mê ngủ, tâm cấu ứ do loạn động, tâm cấu ứ do nghi hoặc, tâm cấu ứ do phần nộ, tâm cấu ứ do che giấu, tâm cấu ứ do bòn xén, tâm cấu ứ do ganh ghét, tâm cấu ứ do dối gạt, tâm cấu ứ do đua nịnh, tâm cấu ứ do không tự thẹn, tâm cấu ứ do không xấu hổ, tâm cấu ứ do mạn, tâm cấu ứ do đại mạn, tâm cấu ứ do ngạo mạn và tâm cấu ứ do buông lung. Nếu người nào có hai mươi một thứ cấu ứ này trong tâm thì chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục.

[0575b14] Nếu người nào mà tâm không bị ô nhiễm bởi hai mươi một thứ cấu ứ này thì chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi một thứ cấu ứ? Đó là tâm cấu ứ do tà kiến, tâm cấu ứ do dục vọng bất chánh, tâm cấu ứ do tham muốn lệch lạc, tâm cấu ứ do tà pháp, tâm cấu ứ do dục tham, tâm cấu ứ do sân hận, tâm cấu ứ do mê ngủ, tâm cấu ứ do loạn động, tâm cấu ứ do nghi hoặc, tâm cấu ứ do phần nộ, tâm cấu ứ do che giấu, tâm cấu ứ do bòn xén, tâm cấu ứ do ganh ghét, tâm cấu ứ do dối gạt, tâm cấu ứ do đua nịnh, tâm cấu ứ do không tự thẹn, tâm cấu ứ do không xấu hổ, tâm cấu ứ do mạn, tâm cấu ứ do đại mạn, tâm cấu ứ do ngạo mạn và tâm cấu ứ do buông lung. Nếu người nào mà tâm không bị ô nhiễm bởi hai mươi một thứ cấu ứ này thì chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời.

Ví như đem tấm vải trắng tinh được dệt ở thành Ba-la-nại đến nhà thợ nhuộm, người thợ kia nhận tấm vải rồi, hoặc dùng tro sạch, hoặc dùng bột đậu, hoặc dùng nước vò cây giặt cho thật kỹ vì muốn cho sạch. Tấm vải trắng được dệt ở thành Ba-la-nại này được người thợ nhuộm dùng nhiều cách, hoặc bằng tro sạch, hoặc bằng bột đậu, hoặc bằng nước vò cây giặt thật kỹ, muốn cho sạch nên tấm vải trắng được dệt ở thành Ba-la-nại vốn đã sạch rồi lại càng trắng sạch hơn. Cũng vậy, nếu người nào mà tâm không bị ô nhiễm bởi hai mươi một thứ cấu ứ này thì chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi một thứ cấu ứ? Đó là tâm cấu ứ do tà kiến, tâm cấu ứ do dục vọng bất chánh, tâm cấu ứ do tham muốn lệch lạc, tâm cấu ứ do tà pháp, tâm cấu ứ do dục tham, tâm cấu ứ do sân hận, tâm cấu ứ do mê ngủ, tâm cấu ứ do loạn động, tâm cấu ứ do nghi hoặc, tâm cấu ứ do phần nộ, tâm cấu ứ do che giấu, tâm cấu ứ do bòn xén, tâm cấu ứ do ganh ghét, tâm cấu ứ do dối gạt, tâm cấu ứ do đua nịnh, tâm cấu ứ do không tự thẹn, tâm cấu ứ do không xấu hổ, tâm cấu ứ do mạn, tâm cấu ứ do đại mạn, tâm cấu ứ do ngạo mạn và tâm cấu ứ do buông lung. Nếu người nào mà tâm không bị ô nhiễm bởi hai mươi một thứ cấu ứ này thì chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời.

[0575c04] Nếu người nào biết được tà kiến là cấu ứ của tâm, biết rồi liền đoạn trừ. Cũng vậy, nếu biết dục vọng bất chánh là cấu ứ của tâm, tham muốn lệch lạc là cấu ứ của tâm, tà pháp là cấu ứ của tâm, dục tham là cấu ứ của tâm, sân hận là cấu ứ của tâm, mê ngủ là cấu ứ của tâm, loạn động là cấu ứ

của tâm, phẫn nộ là cầu uế của tâm, nghi hoặc là cầu uế của tâm, che giấu là cầu uế của tâm, bòn xén là cầu uế của tâm, ganh ghét là cầu uế của tâm, dối gạt là cầu uế của tâm, dua nịnh là cầu uế của tâm, không tự thẹn là cầu uế của tâm, không xấu hổ là cầu uế của tâm, mạn là cầu uế của tâm, đại mạn là cầu uế của tâm, ngạo mạn là cầu uế của tâm và nếu biết buông lung là cầu uế của tâm, người nào biết được rồi thì liền đoạn trừ.

Lại nữa, tâm vị ấy tương ưng với từ, đầy khắp một phương, thành tựu và an trú. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng đầy khắp tất cả, tâm vị ấy tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân giận tổn hại, rộng lớn bao la, tu vô lượng thiện, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, với bi, hỷ và xả, tâm vị ấy đều tương ưng, không gây thù kết oán, không sân giận tổn hại, rộng lớn bao la, tu vô lượng thiện, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Nay Phạm chí! Đó là phương pháp gột rửa nội tâm, chớ không phải tẩy rửa ngoài thân.

Bấy giờ, Phạm chí thưa đức Thế Tôn:

– Thưa Cù-đàm! Hãy đến sông Đa Thủy<sup>33</sup> tắm gội.

Thế Tôn hỏi:

– Nay Phạm chí! Nếu đến tắm nơi sông Đa Thủy thì sẽ được những gì?

Phạm chí trả lời:

– Thưa Cù-đàm! Sông Đa Thủy ấy là nơi giúp thanh tịnh, giúp giải thoát, giúp phước đức cho thế gian. Nếu người nào đến sông Đa Thủy tắm rửa thì sẽ trừ sạch tất cả nghiệp ác.

Khi ấy, Thế Tôn vì Phạm chí mà nói kệ:

|                                      |                                 |
|--------------------------------------|---------------------------------|
| Phạm chí Diệu Hảo Thủ, <sup>34</sup> | Nếu xuống sông Đa Thủy,         |
| Kẻ ngu thích bơi lội,                | Không thể sạch nghiệp ác.       |
| Hảo Thủ đến sông nào?                | Sông ấy ý nghĩa gì?             |
| Nếu tạo nghiệp bất thiện,            | Nước trong nào ích chi?         |
| Người tịnh, không cầu uế,            | Người tịnh, thường thuyết giới, |
| Người tịnh, nghiệp trắng tinh,       | Thường được hạnh thanh tịnh.    |
| Ông hãy dừng sát sanh,               | Dừng lấy vật không cho,         |
| Chân thật, không nói dối,            | Thường chánh niệm, chánh trí.   |
| Phạm chí học như vậy,                | Tất cả chúng sanh an,           |
| Sao ông lại về nhà?                  | Suối nhà đâu trong sạch!        |
| Phạm chí, hãy nên học,               | Tắm sạch trong pháp lành,       |
| Cần gì nước bản kia?                 | Chỉ trừ dơ ngoài thân.          |

<sup>33</sup> Nguyên tác: Đa Thủy hà (多水河). *Tap. 雜* (T.02. 0099.1105. 0321b04) gọi là Bà-huru-đa (婆休多, Bāhukā).

<sup>34</sup> Nguyên tác: Diệu Hảo Thủ Phạm chí (妙好首梵志), tên riêng của vị Phạm chí Thủy Tịnh, tên Pāli là Sundarika Bhāradvāja.

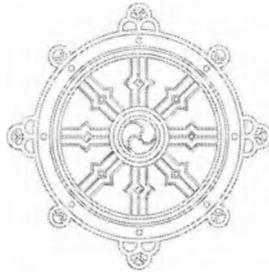
Phạm chí bạch Phật rằng:  
Dùng pháp lành tẩy sạch,  
Phạm chí nghe Phật dạy,  
Liên lạy sát chân Phật,

Con cũng nghĩ như vậy,  
Cần gì nước bản kia.  
Trong lòng rất hân hoan,  
Quy y Phật, Pháp, Tăng.

[0576a10] Rồi Phạm chí thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Hôm nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, ngưỡng mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc! Kể từ hôm nay, con nguyện quy y trọn đời cho đến lúc lâm chung!

Đức Phật dạy như vậy, Phạm chí Thủy Tịnh Diệu Hảo Thủ và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.





## 94. KINH HẮC TỖ-KHEO<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Đông Viên, giảng đường Lộc Mẫu.<sup>2</sup>

Bấy giờ, có Hắc Tỳ-kheo,<sup>3</sup> con bà Lộc Mẫu, thường ưa tranh cãi, đi đến chỗ Phật. Nhìn thấy Hắc Tỳ-kheo từ xa đi đến, đức Phật nhân đó dạy chúng Tỳ-kheo:

– Hoặc có người thường ưa tranh cãi và không khen ngợi hạnh nhường nhịn. Nếu có người thường ưa tranh cãi, không khen ngợi người biết nhường nhịn thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể khiến tâm chuyên nhất<sup>4</sup> và không thể nào chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người ham muốn bất chánh và không khen ngợi hạnh biết dừng lại những ham muốn bất chánh. Nếu có người ham muốn bất chánh, không khen ngợi người biết dừng lại những ham muốn bất chánh thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể khiến tâm chuyên nhất và không thể nào chứng đắc Niết-bàn.

[0576b01] Hoặc có người phạm giới, phá giới, giới bị sút mẻ, giới bị xuyên thủng, giới bị nhiễm ô và không khen ngợi hạnh giữ giới.<sup>5</sup> Nếu có người phạm giới, phá giới, giới bị sút mẻ, giới bị xuyên thủng, giới bị nhiễm ô và không khen ngợi hạnh giữ giới thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể khiến tâm chuyên nhất và không thể nào chứng đắc Niết-bàn.

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Hắc Tỳ-kheo kinh* 黑比丘經 (T.01. 0026.94. 0576a16). Tham chiếu: A. 10.87 - V. 164.

<sup>2</sup> Đông Viên Lộc Mẫu đường (東園鹿母堂, Pubbārāma Migāramātu pāsāda), giảng đường Lộc Mẫu nằm ở Đông Viên, được xây dựng bởi bà Visakhā, mẹ của Migāra.

<sup>3</sup> Nguyên tác: Hắc Tỳ-kheo (黑比丘), dịch nghĩa tên của vị Tỳ-kheo có tên gọi theo Pāli là Kālaka Bhikkhu.

<sup>4</sup> Nguyên tác: Nhất ý (一意): Nhất tâm.

<sup>5</sup> Nguyên tác: Phạm giới, việt giới, khuyết giới, xuyên giới, ô giới (犯戒, 越戒, 缺戒, 穿戒, 污戒). Xem chú thích 19, kinh số 80, tr. 539.

Hoặc có người phẫn nộ, che giấu, bòn xén, ganh ghét, dua nịnh, dối trá, không tự thẹn, không xấu hổ, không khen ngợi hạnh biết tự thẹn, biết xấu hổ. Nếu có người phẫn nộ, che giấu, bòn xén, ganh ghét, dua nịnh, dối trá, không tự thẹn, không xấu hổ và không khen ngợi người biết tự thẹn, biết xấu hổ thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể khiến tâm chuyên nhất và không thể nào chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh và không khen ngợi việc giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh. Nếu có người không giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh và không khen ngợi người hay giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể khiến tâm chuyên nhất và không thể nào chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không quán các pháp và không khen ngợi việc quán các pháp. Nếu có người không quán các pháp và không khen ngợi người biết quán các pháp thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể khiến tâm chuyên nhất và không thể nào chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không tinh tọa và không khen ngợi sự tinh tọa. Nếu có người không tinh tọa và không khen ngợi người hay tinh tọa thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể khiến tâm chuyên nhất và không thể nào chứng đắc Niết-bàn.

Những người như thế, dù khởi suy nghĩ: “Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bái ta”, nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn không cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy. Vì sao như vậy? Vì người ấy có vô lượng điều xấu như trên. Nhân vì người ấy có vô lượng điều xấu như thế nên khiến các vị đồng Phạm hạnh không cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy.

Giống như con ngựa chứng bị nhốt vào chuồng, tuy nó nghĩ: “Mong người ta nhốt tôi chỗ an ổn, cho tôi đồ ăn thức uống tươi sạch và thích ngắm nhìn tôi”, nhưng người ta không nhốt nó chỗ an ổn, không cho đồ ăn thức uống tươi sạch và cũng không thích ngắm nhìn nó. Vì sao như vậy? Vì ngựa ấy có những tật xấu, nghĩa là nó hết sức hung dữ, không chút hiền lành nên khiến người ta không thể nhốt nó chỗ an ổn, không cho đồ ăn thức uống tươi sạch và cũng không thích ngắm nhìn nó. Cũng vậy, người kia dù khởi suy nghĩ: “Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính và lễ bái ta”, nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn

không cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy. Vì sao như vậy? Vì người ấy có vô lượng điều xấu. Nhân vì người ấy có vô lượng điều xấu như thế nên khiến các vị đồng Phạm hạnh không cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy.

[0576c13] Hoặc có người không thích tranh cãi và khen ngợi hạnh nhường nhịn. Nếu có người không thích tranh cãi và khen ngợi người biết nhường nhịn thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích cho việc tu tập, có thể khiến giữ gìn, đưa đến hạnh Sa-môn, khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không ham muốn bất chánh và khen ngợi hạnh biết dừng những ham muốn bất chánh. Nếu có người không ham muốn bất chánh và khen ngợi người biết dừng những ham muốn bất chánh thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đến hạnh Sa-môn, khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không phạm giới, không phá giới, giới không bị sút mẻ, giới không bị xuyên thủng, giới không bị nhiễm ô và khen ngợi hạnh giữ giới. Nếu có người không phạm giới, không phá giới, giới không bị sút mẻ, giới không bị xuyên thủng, giới không bị nhiễm ô và khen ngợi hạnh giữ giới thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đến hạnh Sa-môn, khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người không phẫn nộ, không che giấu, không bòn xén, không ganh ghét, không đua nịnh, không dối trá, biết tự thẹn, biết xấu hổ, khen ngợi hạnh biết tự thẹn, biết xấu hổ. Nếu có người không phẫn nộ, không che giấu, không bòn xén, không ganh ghét, không đua nịnh, không dối trá, biết tự thẹn, biết xấu hổ và khen ngợi người biết tự thẹn, biết xấu hổ thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đến hạnh Sa-môn, khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn.

[0577a04] Hoặc có người hay giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh và khen ngợi sự giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh. Nếu có người hay giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh và khen ngợi người giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đến hạnh Sa-môn, khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn.

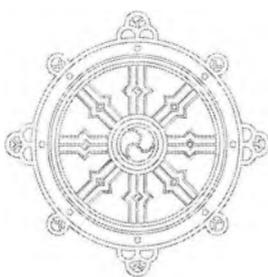
Hoặc có người biết quán các pháp và khen ngợi việc quán các pháp. Nếu có người quán các pháp và khen ngợi người biết quán các pháp thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đến hạnh Sa-môn, khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người thường tĩn tọa và khen ngợi sự tĩn tọa. Nếu có người thường tĩn tọa và khen ngợi sự tĩn tọa thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đến hạnh Sa-môn, khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn.

Người này dù không khởi suy nghĩ: “Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính và lễ bái ta”, nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy. Vì sao như vậy? Vì người ấy có vô lượng điều lành như trên. Do người ấy có vô lượng điều lành như vậy nên khiến cho các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy.

Giống như con ngựa thuần bị nhốt trong chuồng, tuy nó không nghĩ: “Mong người ta nhốt tôi chỗ an ổn, cho tôi đồ ăn thức uống tươi sạch và thích ngắm nhìn tôi”, nhưng người ta vẫn nhốt nó chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tươi sạch và rất thích ngắm nhìn nó. Vì sao như vậy? Vì nó không có tật xấu, nghĩa là nó đã được thuần phục, cực kỳ hiền lành nên người ta nhốt nó chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tươi sạch và rất thích ngắm nhìn nó. Cũng như vậy, người kia tuy không khởi suy nghĩ: “Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính và lễ bái ta” nhưng các vị đồng phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.



## 95. KINH TRỤ PHÁP<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thăng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Như Lai nói về sự thoái thất pháp thiện, không dừng trụ, không tăng trưởng. Như Lai nói về sự dừng trụ nơi pháp thiện, không thoái thất, không tăng trưởng. Như Lai nói về sự tăng trưởng pháp thiện, không thoái thất, không dừng trụ.

Thế nào là sự thoái thất pháp thiện, không dừng trụ, không tăng trưởng? Là nếu có các pháp như: Niềm tin chí thành, giới cấm, học rộng nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài, học kinh điển và sở đắc từ kinh điển,<sup>2</sup> đối với các pháp này mà Tỳ-kheo thoái thất, không dừng trụ, không tăng trưởng thì đó gọi là sự thoái thất pháp thiện, không dừng trụ, không tăng trưởng.

Thế nào là sự dừng trụ nơi pháp thiện, không thoái thất, không tăng trưởng? Là nếu có các pháp như: Niềm tin chí thành, giới cấm, học rộng nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài, học kinh điển và sở đắc từ kinh điển, đối với các pháp này mà vị Tỳ-kheo dừng trụ, không thoái thất, không tăng trưởng thì đó gọi là dừng trụ nơi pháp thiện, không thoái thất, không tăng trưởng.

Thế nào là tăng trưởng pháp thiện, không thoái thất, không dừng trụ? Là nếu có các pháp như: Niềm tin chí thành, giới cấm, học rộng nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài, học kinh điển và sở đắc từ kinh điển, đối với các pháp này mà Tỳ-kheo tăng trưởng, không thoái thất, không dừng trụ thì đó gọi là tăng trưởng pháp thiện, không thoái thất, không dừng trụ.

Vị Tỳ-kheo chắc chắn được nhiều lợi ích nếu quán chiếu như vậy: “Ta sống với nhiều tham hay sống với không tham? Ta sống với nhiều sân hận hay sống với không sân hận? Ta sống với nhiều ham mê ngủ nghỉ hay sống không ham mê ngủ nghỉ? Ta sống với nhiều loạn động, công cao hay ít loạn động, công cao? Ta sống với nhiều nghi hoặc hay sống không nghi hoặc? Ta sống với thân nóng nảy bạo động<sup>3</sup> hay sống với thân không nóng nảy bạo động? Ta sống với

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Trụ pháp kinh* 住法經 (T.01. 0026.95. 0577b02). Tham chiếu: A. 10.53 - V. 96; A. 10.17 - V. 23; A. 10.18 - V. 25.

<sup>2</sup> Nguyên tác: A-hàm cập kỳ sở đắc (阿含及其所得). A-hàm (*āgama*) nghĩa là truyền thừa, chỉ sự truyền thừa giáo pháp của đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

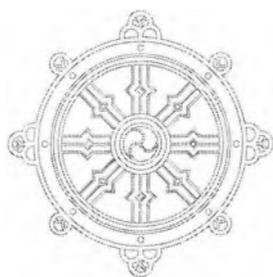
<sup>3</sup> Nguyên tác: Thân tránh (身靜, *vyāpannakāya*): Sự xung đột nơi thân.

tâm ô uế hay sống với tâm thanh tịnh? Ta sống với niềm tin hay sống với không niềm tin? Ta sống với tinh tấn hay sống với biếng nhác? Ta sống với chánh niệm hay sống với không chánh niệm? Ta sống với chánh định hay sống với không chánh định? Ta sống với tuệ thấp kém hay sống với tuệ không thấp kém?”

Nếu sau khi quán chiếu, vị Tỳ-kheo biết mình đang sống với nhiều tham lam, sân hận, ham mê ngủ nghỉ, loạn động cống cao, nghi hoặc, thân nóng nảy bạo động, tâm ô uế, không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định và tuệ thấp kém thì vị Tỳ-kheo ấy, vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện kia nên gấp rút tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm, chánh trí, kiên trì, nhẫn nại, không để thoái lui. Giống như người bị lửa cháy đầu, cháy áo thì phải nhanh chóng tìm cách dập tắt lửa để cứu đầu, cứu áo. Cũng như thế, Tỳ-kheo nếu muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện ấy thì phải nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì, nhẫn nại, không để thoái lui.

[0577c04] Nếu Tỳ-kheo sau khi quán chiếu, biết mình sống với không tham lam, không sân hận, không ham mê ngủ nghỉ, không loạn động cống cao, không nghi hoặc, thân không nóng nảy bạo động, tâm không ô uế, có niềm tin, tinh tấn, chánh niệm, chánh định và tuệ cao đẹp thì vị Tỳ-kheo ấy, vì muốn an trú nơi pháp thiện này, không để quên mất, không để thoái lui, tu hành tăng tiến nên phải nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì, nhẫn nại, không để thoái lui. Giống như người bị lửa cháy đầu, cháy áo thì phải nhanh chóng tìm cách dập lửa để cứu đầu, cứu áo. Cũng như vậy, vị Tỳ-kheo vì muốn an trú nơi pháp thiện này, không để quên mất, không để thoái lui, tu hành tăng tiến nên phải nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì, nhẫn nại, không để thoái lui.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.



## 96. KINH TÔN GIẢM VÀ TĂNG TRƯỞNG<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

– Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào mà những pháp chưa nghe thì không được nghe, những pháp đã nghe thì quên mất; giả sử có những pháp mà trước đây vị ấy từng tu hành, đọc tụng, thực hành thuần thục và được hiểu bởi trí tuệ thì nay vị ấy lại không còn nhớ, biết cũng như không biết. Chư Hiền! Đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni thoái thất tịnh pháp.

Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào mà những pháp chưa nghe thì được nghe, pháp đã nghe thì không quên mất; giả sử có những pháp mà trước đây vị ấy từng tu hành, đọc tụng, thực hành thuần thục và được hiểu bởi trí tuệ thì nay vị ấy vẫn thường ghi nhớ, đã biết lại càng hiểu biết thêm. Chư Hiền! Đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tăng trưởng tịnh pháp.

Này chư Hiền! Tỳ-kheo hãy quán như vậy: “Ta có tham lam hay không tham lam? Ta có tâm sân hận hay không tâm sân hận? Ta có ham mê ngủ nghỉ hay không ham mê ngủ nghỉ? Ta có loạn động cống cao hay không loạn động cống cao? Ta có nghi hoặc hay không nghi hoặc? Ta có thân nóng nảy bạo động hay thân không nóng nảy bạo động? Ta có tâm ô uế hay tâm không ô uế? Ta có niềm tin hay không có niềm tin? Ta có siêng năng hay lười biếng? Ta có niệm hay không có niệm? Ta có định hay không có định? Ta có tuệ cao đẹp hay tuệ thấp kém?”

[0578a04] Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo sau khi quán sát mà biết mình có tham lam, tâm sân hận, ham mê ngủ nghỉ, loạn động cống cao, nghi hoặc, thân nóng nảy bạo động, tâm ô uế, không có niềm tin, lười biếng, không chánh niệm, không chánh định và tuệ thấp kém thì này chư Hiền, vì muốn diệt trừ các pháp xấu ác, bất thiện ấy nên vị Tỳ-kheo phải nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì nhẫn nại, không để thoái lui. Này chư Hiền! Như người bị lửa cháy đầu, cháy áo thì phải nhanh chóng tìm cách dập lửa để cứu đầu, cứu áo. Này chư Hiền! Cũng như thế, vị Tỳ-kheo muốn diệt trừ các pháp xấu ác, bất thiện này phải nên nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì nhẫn nại, không để thoái lui.

<sup>1</sup> Nguyên tác: *Vô kinh* 無經 (T.01. 0026.96. 0577c15). Tham chiếu: A. 10.55 - V. 102.

Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo sau khi quán sát mà biết mình không có tham lam, không có tâm sân hận, không ham mê ngủ nghỉ, không loạn động cống cao, không nghi hoặc, thân không nóng nảy bạo động, tâm không ô uế, có niềm tin, tinh tấn, chánh niệm, thành tựu chánh định, tâm trí sáng suốt, đồng thời muốn an trú nơi pháp thiện này, không để quên mất, không để thoái lui, tu hành tăng tiến thì Tỳ-kheo ấy phải nên nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì nhẫn nại, không để thoái lui. Như người bị lửa cháy đầu, cháy áo thì phải nhanh chóng tìm cách dập lửa để cứu đầu, cứu áo. Này chư Hiền! Cũng như thế, Tỳ-kheo muốn an trú nơi pháp thiện này, không để quên mất, không để thoái lui, tu hành tăng tiến thì phải nên nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì nhẫn nại, không để thoái lui.

Tôn giả Xá-lợi-phất dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.<sup>2</sup>



---

<sup>2</sup> Bản Hán, hết quyển 23.